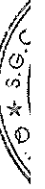


Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 31 tháng 3 năm 2016



Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ	4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ chọn lọc	13 - 69
Phụ lục 1 – Danh sách công ty con tại ngày 31 tháng 3 năm 2016	70 - 75

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103001016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 3 tháng 5 năm 2002 và được cấp lại Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0101245486 vào ngày 12 tháng 5 năm 2010. Công ty sau đó nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi với lần gần nhất là lần thứ 60 được cấp ngày 18 tháng 3 năm 2016.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 19 tháng 9 năm 2007 theo Quyết định số 106/QĐ-TTGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 7 tháng 9 năm 2007.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản; tiến hành các hoạt động huy động vốn, đầu tư góp vốn; và cung cấp các dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp. Hoạt động chính trong kỳ của các công ty con của Công ty được trình bày tại Phụ lục 1.

Công ty có trụ sở chính tại số 7, đường Bông Lãng 1, khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Công ty có một chi nhánh có địa chỉ tại số 72, phố Lê Thánh Tôn và 45A, phố Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Nhật Vượng	Chủ tịch	
Ông Lê Khắc Hiệp	Phó chủ tịch	
Bà Phạm Thúy Hằng	Phó chủ tịch	
Bà Phạm Thu Hương	Phó chủ tịch	
Bà Nguyễn Diệu Linh	Phó chủ tịch	
Bà Vũ Tuyết Hằng	Phó chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016
Ông Ling Chung Yee Roy	Thành viên	
Bà Mai Hương Nội	Thành viên	
Ông Marc Villiers Townsend	Thành viên	
Ông Joseph Raymond Gagnon	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thế Anh	Trưởng Ban
Ông Đinh Ngọc Lân	Thành viên
Bà Đỗ Thị Hồng Vân	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Vân Trinh	Thành viên

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Dương Thị Mai Hoa	Tổng Giám đốc
Bà Mai Hương Nội	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Khương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Diệu Linh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Thanh Thủy	Phó Tổng Giám đốc
Bà Vũ Tuyết Hằng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Dịu	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Dương Thị Mai Hoa.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tập đoàn Vingroup - Công ty CP ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.


Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 3 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc: 



Đường Thị Mai Hoa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 5 năm 2016



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 4 3831 5100
Fax: + 84 4 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 60729565/18609353 -HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tập đoàn Vingroup – Công ty CP (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) được lập ngày 26 tháng 5 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 75, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 31 tháng 3 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ chọn lọc kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CHI NHÁNH
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
ERNST & YOUNG
VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI
Trần Đình Cường
Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0135-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 5 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 31 tháng 3 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		68.546.488.948.872	67.699.619.665.953
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	4.680.600.576.496	6.938.465.104.490
111	1. Tiền		3.520.151.667.650	3.771.965.874.567
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.160.448.908.846	3.166.499.229.923
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		11.011.925.902.250	11.142.979.590.895
121	1. Chứng khoán kinh doanh	6.1	979.726.112.000	32.369.112.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	6.1	(15.077.664.000)	(14.958.000.000)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.2	10.047.277.454.250	11.125.568.478.895
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		16.299.192.326.596	13.848.128.025.192
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	3.001.862.480.212	2.438.800.372.894
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	7.161.917.441.983	6.695.026.549.290
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	2.378.999.412.802	1.763.123.912.802
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	3.977.599.491.886	3.165.754.530.947
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7.1, 8, 9	(221.186.500.287)	(214.577.340.741)
140	IV. Hàng tồn kho	10	25.331.360.593.221	28.027.417.689.166
141	1. Hàng tồn kho		25.418.871.450.575	28.085.895.835.621
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(87.510.857.354)	(58.478.146.455)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.223.409.550.309	7.742.629.256.210
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	1.434.212.123.536	1.548.029.401.201
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		865.273.409.597	660.027.543.114
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		80.750.785.522	23.050.885.079
155	4. Tài sản ngắn hạn khác	12	8.843.173.231.654	5.511.521.426.816

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Trình bày lại)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		80.375.326.524.623	77.804.119.475.060
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		488.945.235.801	254.324.078.479
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	62.559.839.165	62.559.839.165
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	426.385.396.636	191.764.239.314
220	II. Tài sản cố định		21.109.246.822.305	19.837.150.938.774
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	20.349.334.001.875	19.114.346.085.751
222	Nguyên giá		23.585.221.362.354	22.037.695.324.834
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.235.887.360.479)	(2.923.349.239.083)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	759.912.820.430	722.804.853.023
228	Nguyên giá		925.547.732.718	865.235.746.007
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(165.634.912.288)	(142.430.892.984)
230	III. Bất động sản đầu tư	15	17.008.072.304.104	16.827.664.243.533
231	1. Nguyên giá		18.537.451.323.194	18.192.494.564.257
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(1.529.379.019.090)	(1.364.830.320.724)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		18.791.416.979.882	18.115.293.364.854
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	17	18.791.416.979.882	18.115.293.364.854
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		10.124.482.872.815	9.597.557.595.727
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	18.1	6.724.484.101.868	6.715.538.162.046
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	18.2	3.487.165.993.681	2.882.019.433.681
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	18.2	(87.167.222.734)	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		12.853.162.309.716	13.172.129.253.693
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	1.415.124.983.620	1.437.896.150.549
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		152.819.449.146	170.157.957.461
268	3. Tài sản dài hạn khác	12	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
269	4. Lợi thế thương mại	19	8.285.217.876.950	8.564.075.145.683
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		148.921.815.473.495	145.503.739.141.013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2016

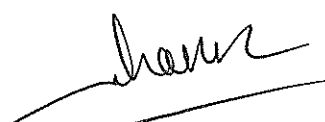
Đơn vị tính: VND

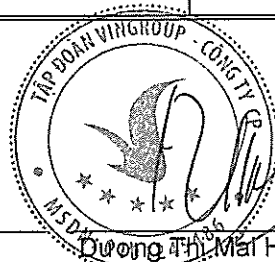
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		107.942.531.883.962	107.917.829.365.182
310	I. Nợ ngắn hạn		64.876.114.429.936	64.848.780.981.695
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		4.313.499.824.820	4.578.748.195.301
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	20	20.483.274.692.981	20.221.096.466.017
	- Thanh toán theo hợp đồng chuyển nhượng bất động sản tại các dự án		19.651.400.641.874	19.365.321.728.392
	- Thanh toán theo các hợp đồng khác		831.874.051.107	855.774.737.625
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	1.219.161.686.898	1.678.401.228.369
314	4. Phải trả người lao động		203.855.370.494	293.440.169.231
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	22	6.224.782.298.515	6.920.895.138.980
	- Chi phí lãi vay trích trước		1.246.454.270.986	830.480.551.017
	- Chi phí xây dựng trích trước		2.774.520.876.749	3.833.550.276.538
	- Phải trả khác		2.203.807.150.780	2.256.864.311.425
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	23	890.456.765.371	1.056.738.019.276
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	24.1	28.393.595.780.396	28.554.146.031.679
	- Tiền ứng vốn từ khách hàng		24.544.423.936.719	24.902.889.733.089
	- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		3.849.171.843.677	3.651.256.298.590
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	25.1	3.030.850.793.969	1.424.617.794.094
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	26	116.637.216.492	120.697.938.748
330	II. Nợ dài hạn		43.066.417.454.026	43.069.048.383.487
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	23	1.821.511.531.139	2.683.411.532.468
337	2. Phải trả dài hạn khác	24.2	4.408.431.259.095	4.406.204.612.974
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	25.2	36.382.485.645.320	33.122.684.524.987
339	4. Trái phiếu chuyển đổi	27	-	2.382.401.760.582
341	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		453.989.018.472	474.345.952.476

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Trình bày lại)
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		40.979.283.589.533	37.585.909.775.831
410	I. Vốn chủ sở hữu		40.979.283.589.533	37.585.909.775.831
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành	28.1	19.398.548.510.000	18.681.880.870.000
411a	- Cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết		19.398.548.510.000	18.681.880.870.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	28.1	7.305.670.215.676	5.798.727.464.308
415	3. Cổ phiếu quỹ	28.5	(2.974.924.074.484)	(2.974.924.074.484)
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	28.1	27.845.114.930	27.845.114.930
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	28.1	2.147.791.783.204	1.571.190.449.441
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		1.571.190.449.441	2.350.786.383.324
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lũy kế) kỳ này		576.601.333.763	(779.595.933.883)
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	28.1	15.074.352.040.207	14.481.189.951.636
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		148.921.815.473.495	145.503.739.141.013


Ngô Nguyệt Hằng
Người lập

Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởngĐương Thị Mai Hoa
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 5 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.1	14.739.597.318.159	6.311.326.876.972
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	29.1	(2.741.547.460)	(4.138.290.231)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.1	14.736.855.770.699	6.307.188.586.741
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	30	(9.958.356.864.682)	(4.063.973.004.335)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.778.498.906.017	2.243.215.582.406
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	29.3	548.638.992.445	283.042.697.236
22	7. Chi phí tài chính	31	(886.585.743.975)	(741.705.361.906)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(740.132.988.553)	(540.805.067.179)
24	8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	18.1	8.945.939.822	7.931.295.491
25	9. Chi phí bán hàng		(1.055.620.054.983)	(345.190.724.786)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(1.113.246.834.350)	(649.218.044.156)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.280.631.204.976	798.075.444.285
31	12. Thu nhập khác	32	55.929.917.069	51.592.089.466
32	13. Chi phí khác	32	(171.331.231.935)	(157.925.569.413)
40	14. Lỗ khác	32	(115.401.314.866)	(106.333.479.947)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.165.229.890.110	691.741.964.338
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	33	(894.501.586.753)	(344.265.677.051)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	33	18.747.475.719	9.919.440.474
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.289.475.779.076	357.395.727.761

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015 (Trình bày lại)
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	28.1	778.650.899.732	427.940.707.867
62	20. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	28.1	510.824.879.344	(70.544.980.106)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	398	228
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	35	398	228



Ngô Nguyệt Hằng
Người lập



Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Đương Thị Mái Hoa
Trưởng Giám đốc

Ngày 26 tháng 5 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

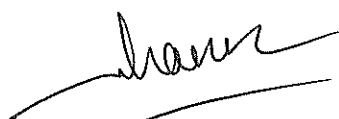
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		2.165.229.890.110	691.741.964.338
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định hữu hình và phân bổ lợi thế thương mại		812.492.051.421	477.333.719.804
03	Thay đổi các khoản dự phòng (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá	29.3,31	118.868.034.923	2.042.736.318
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá		(221.333.837.394)	111.996.370.296
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(312.040.176.942)	(287.713.917.294)
06	Chi phí lãi vay	31	775.611.570.785	598.781.733.582
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		3.338.827.532.903	1.594.182.607.044
09	Tăng các khoản phải thu		(1.812.503.967.582)	(1.504.831.229.510)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		2.460.396.885.765	(257.557.922.655)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(1.868.896.507.903)	2.329.449.581.573
12	Giảm chi phí trả trước		34.885.049.801	91.948.986.615
13	Tăng chứng khoán kinh doanh		(630.000.000.000)	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(718.839.851.560)	(363.003.464.338)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(790.603.443.515)	(558.440.937.491)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		13.265.697.909	1.331.747.621.238
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.441.536.382.427)	(2.742.744.166.134)
22	Tiền thu được từ thanh lý tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		32.586.993.667	33.590.368.623
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.461.875.500.000)	(1.218.084.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		1.924.294.290.534	398.468.614.146
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(4.939.783.622.678)	(3.654.628.188.061)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		772.479.216.533	160.500.000.000
27	Lãi vay và cổ tức nhận được		312.020.084.279	194.256.709.850
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(5.801.814.920.092)	(6.828.640.661.576)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của cổ đông không kiểm soát		446.280.000.000	147.500.000.000
33	Tiền thu từ đi vay		5.946.539.076.154	3.407.007.344.115
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.657.934.025.527)	(189.707.058.930)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông không kiểm soát		(205.412.942.681)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		3.529.472.107.946	3.364.800.285.185
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(2.259.077.114.237)	(2.132.092.755.153)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		6.938.465.104.490	7.607.513.719.673
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.212.586.243	(688.521.300)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5	4.680.600.576.496	5.474.732.443.220



Ngô Nguyệt Hằng
Người lập



Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Đương Thị Mai Hoa
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 5 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103001016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 3 tháng 5 năm 2002 và được cấp lại Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0101245486 vào ngày 12 tháng 5 năm 2010. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi với lần gần nhất là lần thứ 60 được cấp ngày 18 tháng 3 năm 2016.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 19 tháng 9 năm 2007 theo Quyết định số 106/QĐ-TTGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 7 tháng 9 năm 2007.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản; tiến hành các hoạt động huy động vốn, đầu tư góp vốn; và cung cấp các dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp. Hoạt động chính trong kỳ của các công ty con của Công ty được trình bày tại Phụ lục 1.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh bình quân của hoạt động chuyển nhượng bất động sản của Tập đoàn bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến thời điểm hoàn thiện, do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động chuyển nhượng bất động sản của Tập đoàn là trong vòng từ 12 tháng đến 36 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của các hoạt động khác của Tập đoàn thông thường là trong vòng 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 7, đường Bằng Lăng 1, khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Công ty có một chi nhánh có địa chỉ tại số 72, phố Lê Thánh Tôn và 45A, phố Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 là: 445 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 482).

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Công ty có 68 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ biết quyết, tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn trong các công ty con này được trình bày tại Phụ lục 1.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Tập đoàn cũng sở hữu một số khoản đầu tư vào các công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh số 18.1.

Tính chất mùa vụ của hoạt động ảnh hưởng đến báo cáo

Do đặc tính của ngành kinh doanh bất động sản, doanh thu cho thuê dự kiến sẽ ổn định trong suốt cả năm trừ khi Tập đoàn đưa các sản phẩm đầu tư mới vào thị trường. Mặt khác, doanh thu chuyển nhượng bất động sản phụ thuộc vào tình trạng hoàn thành của các dự án bất động sản và tình hình thị trường tại thời điểm các dự án được chào bán.

Do đặc thù của ngành khách sạn và du lịch, doanh thu từ loại hình dịch vụ này được dự kiến sẽ dao động theo tính chất mùa vụ của ngành du lịch Việt Nam.

Phân khúc bán lẻ cung cấp nhiều mặt hàng tiêu dùng khác nhau, bao gồm các mặt hàng dệt may, thực phẩm, điện tử, đồ gia dụng, thiết bị điện tử công nghệ cao và nhiều loại sản phẩm khác. Do đặc thù của từng loại mặt hàng, cũng như ảnh hưởng của khí hậu và thói quen tiêu dùng, mỗi sản phẩm sẽ có giai đoạn cao điểm khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHON LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn Vingroup – Công ty CP (“Công ty”) và các công ty con (“Tập đoàn”) được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty là VND.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bao gồm toàn bộ các thông tin và thuyết minh như trong báo cáo tài chính hợp nhất cả năm, và do đó phải được đọc đồng thời cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán của Tập đoàn sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các chính sách kế toán có hiệu lực từ năm trước nhưng lần đầu tiên có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty không hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của các công ty con được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng (quyền kiểm soát tạm thời) như được trình bày trong Phụ lục 1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

4. CÁC GIAO DỊCH QUAN TRỌNG VỀ MUA VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CÔNG TY CON

4.1 *Giao dịch hợp nhất kinh doanh*

Mua Công ty Hoa Hồng Vàng, công ty con mới

Vào ngày 1 tháng 2 năm 2016, Tập đoàn đã hoàn tất việc mua 100% cổ phần của Công ty Hoa Hồng Vàng từ các cá nhân với tổng giá phí là 21 tỷ VND.

Hoạt động chính của Công ty Hoa Hồng Vàng là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp. Tập đoàn đầu tư vào Công ty Hoa Hồng Vàng với mục đích mở rộng dự án trồng rau an toàn ở thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Tập đoàn đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý tại ngày mua của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của Công ty Hoa Hồng Vàng. Do đó, Tập đoàn áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất công ty này, với giá trị hợp lý được xác định tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của công ty này được trình bày dưới đây:

Đơn vị tính: VND

Giá trị hợp lý được xác định tạm thời tại ngày mua

Tài sản	
Tiền	2.595.162
Hàng tồn kho	40.601.290
Tài sản ngắn hạn khác	42.507.605
Tài sản cố định	3.093.131.896
	3.178.835.953
Nợ phải trả	
Phải trả người bán	32.734.030
Tổng tài sản thuần	3.146.101.923
Cổ đông không kiểm soát (*)	5.251.545.265
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 19)	12.602.352.812
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh	21.000.000.000
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con	
Tiền thu về từ công ty con	2.595.162
Tiền chi để mua công ty con tính đến ngày 31 tháng 3 năm 2016	(21.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào nghiệp vụ mua	(20.997.404.838)

(*) Giá trị cổ đông không kiểm soát được xác định bởi phần chênh lệch giữa giá phí chia sẻ cho cổ đông không kiểm soát với giá trị tài sản thuần nhận về bởi cổ đông không kiểm soát.

Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh là 21 tỷ VND và đã được thanh toán bằng tiền. Công ty Hoa Hồng Vàng không có lãi/lỗ kể từ ngày mua đến ngày 31 tháng 3 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

4. CÁC GIAO DỊCH QUAN TRỌNG VỀ MUA VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CÔNG TY CON (tiếp theo)

4.1 *Giao dịch hợp nhất kinh doanh* (tiếp theo)

Mua Công ty Hoàng Lân, công ty con mới

Vào ngày 3 tháng 2 năm 2016, Tập đoàn đã hoàn tất việc mua 100% cổ phần của Công ty Cổ phần Hoàng Lân với tổng giá phí là 28 tỷ VND và theo đó, Công ty Hoàng Lân trở thành công ty con của Tập đoàn.

Hoạt động chính của Công ty Hoàng Lân là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp. Tập đoàn đầu tư vào Công ty Hoàng Lân với mục đích mở rộng dự án trồng rau an toàn ở thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Tập đoàn đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của Công ty Hoàng Lân tại ngày mua, và áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất Công ty Hoàng Lân. Giá trị hợp lý được xác định tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty Hoàng Lân tại ngày mua được trình bày dưới đây:

Đơn vị tính: VND

Giá trị hợp lý được xác định tạm thời tại ngày mua

Tài sản	
Tiền	5.249.900
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	106.250.100
Tài sản cố định hữu hình	104.178.218
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	265.145.780
Tài sản ngắn hạn khác	682.500.000
	1.163.323.998
Nợ phải trả	-
Tổng tài sản thuần	1.163.323.998
Cổ đông không kiểm soát (*)	7.893.739.404
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 19)	18.942.936.598
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh	28.000.000.000
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con	
Tiền thu về từ công ty con	5.249.900
Tiền chi để mua công ty con tính đến ngày 31 tháng 3 năm 2016	(25.200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào nghiệp vụ mua	(25.194.750.100)

(*) Giá trị cổ đông không kiểm soát được xác định bởi phần chênh lệch giữa giá phí chia sẻ cho cổ đông không kiểm soát với giá trị tài sản thuần nhận về bởi cổ đông không kiểm soát.

Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh là 28 tỷ VND và đã được thanh toán một phần bằng tiền. Công ty Hoàng Lân không có lãi/lỗ kể từ ngày mua đến ngày 31 tháng 3 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

4. CÁC GIAO DỊCH QUAN TRỌNG VỀ MUA VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CÔNG TY CON (tiếp theo)

4.2 *Giao dịch mua công ty con với mục đích nắm giữ để bán*

Mua Công ty Sen Việt Công Thương, công ty con mới

Vào ngày 6 tháng 1 năm 2016, Tập đoàn đã hoàn tất việc mua 100% cổ phần của Công ty Sen Việt Công Thương từ các đối tác doanh nghiệp với tổng giá phí là 627 tỷ VND, và theo đó, Công ty Sen Việt Công Thương trở thành công ty con của Tập đoàn. Hoạt động chính của Công ty Sen Việt Công Thương là phát triển và kinh doanh bất động sản. Tại ngày mua, Công ty Sen Việt Công Thương đang sở hữu một dự án bất động sản tiềm năng tại thành phố Biên Hòa, Đồng Nai.

Vào ngày 3 tháng 2 năm 2016, Tập đoàn đã ký thỏa thuận đặt cọc với các đối tác doanh nghiệp để chuyển nhượng toàn bộ 100% cổ phần của Công ty Sen Việt Công Thương với tổng giá phí là 627 tỷ VND.

Tập đoàn đánh giá giao dịch mua Công ty Sen Việt Công Thương là giao dịch mua công ty con với mục đích nắm giữ để bán trong tương lai gần và do đó, không hợp nhất báo cáo tài chính của công ty này. Giá trị khoản đầu tư vào Công ty Sen Việt Công Thương tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 được trình bày là chứng khoán kinh doanh tại Thuyết minh số 6.1.

Mua Công ty Công đoàn Ngân hàng Công thương, công ty con mới

Vào ngày 8 tháng 3 năm 2016, Tập đoàn đã hoàn tất việc mua 100% cổ phần của Công ty Công đoàn Ngân hàng Công thương từ các đối tác doanh nghiệp với tổng giá phí là 320 tỷ VND, và theo đó, Công ty Công đoàn Ngân hàng Công thương trở thành công ty con của Tập đoàn. Hoạt động chính của Công ty Công đoàn Ngân hàng Công thương là phát triển và kinh doanh bất động sản. Tại ngày mua, Công ty Công đoàn Ngân hàng Công thương đang sở hữu một dự án bất động sản tiềm năng tại thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Vào ngày 3 tháng 2 năm 2016, Tập đoàn đã ký thỏa thuận đặt cọc với các đối tác doanh nghiệp để chuyển nhượng toàn bộ 100% cổ phần của Công ty Công đoàn Ngân hàng Công thương với tổng giá phí là 320 tỷ VND.

Tập đoàn đánh giá giao dịch mua Công ty Công đoàn Ngân hàng Công thương là giao dịch mua công ty con với mục đích nắm giữ để bán trong tương lai gần và do đó, không hợp nhất báo cáo tài chính của công ty này. Giá trị khoản đầu tư vào Công ty Công đoàn Ngân hàng Công thương tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 được trình bày là chứng khoán kinh doanh tại Thuyết minh số 6.1.

1/1
/C
CH
AN
✓
//

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

4. CÁC GIAO DỊCH QUAN TRỌNG VỀ MUA VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CÔNG TY CON (tiếp theo)

4.3 Các giao dịch chuyển nhượng và mất kiểm soát trong công ty con

Giảm tỷ lệ lợi ích và mất quyền kiểm soát trong Công ty TNHH Quản lý Bất động sản Vinhomes ("Công ty Quản lý Vinhomes") do ảnh hưởng từ giao dịch sáp nhập giữa Công ty Quản lý Vinhomes và Công ty TNHH Bất động sản ILF ("Công ty ILF")

Vào ngày 4 tháng 2 năm 2015, Tập đoàn đã hoàn tất giao dịch sáp nhập Công ty ILF vào Công ty Quản lý Vinhomes theo các hợp đồng ký kết với các đối tác cá nhân là cổ đông của Công ty ILF. Theo đó, tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn trong Công ty Quản lý Vinhomes giảm từ 100% xuống còn 12,5%. Khoản đầu tư vào Công ty Quản lý BĐS Vinhomes từ đầu tư vào công ty con trở thành một khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Tập đoàn (Thuyết minh số 18.2). Giá trị của khoản đầu tư vào Công ty Quản lý Vinhomes sau sáp nhập được xác định bằng với giá gốc của khoản đầu tư vào Công ty Quản lý Vinhomes ghi nhận trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty. Không có lãi/lỗ phát sinh từ giao dịch này.

4.4 Hoàn thành kế toán tạm thời đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh thực hiện trong năm trước

Mua Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Thời trang Dệt may Việt Nam ("Công ty Vinatexmart") trong năm 2015

Trong năm 2015, Tập đoàn đã hoàn tất việc mua 100% vốn góp trong Công ty Vinatexmart hoạt động trong lĩnh vực bán lẻ với chuỗi siêu thị, cửa hàng mang thương hiệu Vinatexmart tại nhiều tỉnh thành trong cả nước. Việc Tập đoàn mua Công ty Vinatexmart là một phần trong chiến lược đầu tư vào thị trường bán lẻ. Vào ngày 1 tháng 6 năm 2015, Công ty Vinatexmart đã được sáp nhập vào Công ty Vincommerce.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của Công ty Vinatexmart tại ngày mua, và áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất Công ty Vinatexmart. Trong giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016, Tập đoàn đã hoàn tất một phần kế toán tạm thời sau khi xác định giá trị hợp lý của một số tài sản như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Giá trị hợp lý được xác định tạm thời</i>	<i>Điều chỉnh giá trị hợp lý</i>	<i>Giá trị hợp lý sau điều chỉnh</i>
Tài sản	598.597.433.937	87.558.680.300	686.156.114.237
- Hàng tồn kho	192.492.807.035	13.815.124.197	206.307.931.232
- Tài sản cố định	204.060.520.400	73.743.556.103	277.804.076.503
Nợ phải trả	498.647.463.258	-	498.647.463.258
Tài sản thuần	99.949.970.679	87.558.680.300	187.508.650.979
Cổ đông không kiểm soát	38.865.008.796	(26.267.604.090)	12.597.404.706
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh	90.685.020.525	(61.291.076.210)	29.393.944.315

Ngoài ra, số dư của một số khoản mục trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 liên quan đến một số giao dịch tái cơ cấu cũng được trình bày lại do ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố giao dịch mua vốn góp trong Công ty Vinatexmart như trình bày ở Thuyết minh số 38

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Tập đoàn vẫn đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý tại ngày mua của một số tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được khác của Công ty Vinatexmart.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Tiền mặt	27.802.845.643	34.915.215.231
Tiền gửi ngân hàng	3.473.845.997.577	3.717.308.507.824
Tiền đang chuyển	18.502.824.430	19.742.151.512
Các khoản tương đương tiền	1.160.448.908.846	3.166.499.229.923
TỔNG CỘNG	<u>4.680.600.576.496</u>	<u>6.938.465.104.490</u>

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng với lãi suất từ 4,0%/năm đến 5,2%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2015: từ 3,5%/năm đến 5%/năm).

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

6.1 Chứng khoán kinh doanh

	Ngày 31 tháng 3 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015		Đơn vị tính: VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc		Giá trị hợp lý
Cổ phiếu Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	32.369.112.000	17.291.448.000	(15.077.664.000)	32.369.112.000	17.411.112.000	(14.958.000.000)
Cổ phiếu Công ty Sen Việt Công Thương (i)	627.357.000.000	(ii)	-	-	-	-
Cổ phiếu Công ty Công đoàn Ngân hàng Công Thương (i)	320.000.000.000	(ii)	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	979.726.112.000	17.291.448.000	(15.077.664.000)	32.369.112.000	17.411.112.000	(14.958.000.000)

(i) Trong tháng 4 năm 2016, Tập đoàn đã hoàn thành việc bán lại 100% cổ phiếu của Công ty Sen Việt Công Thương và Công ty Công đoàn Ngân hàng Công Thương cho các đối tác doanh nghiệp với tổng giá phí lần lượt là 627 tỷ VND và 320 tỷ VND.

(ii) Giá trị hợp lý của cổ phiếu của các công ty con không niêm yết chưa thể xác định được vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 do chưa có cơ sở phù hợp.

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Ngày 31 tháng 3 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn (i)	10.047.277.454.250	10.047.277.454.250	9.602.998.237.082	9.602.998.237.082
Các khoản tiền gửi dài hạn đến hạn thu hồi	-	-	1.522.570.241.813	1.522.570.241.813
TỔNG CỘNG	10.047.277.454.250	10.047.277.454.250	11.125.568.478.895	11.125.568.478.895
Dài hạn				
Tiền gửi ngân hàng dài hạn	-	-	1.522.570.241.813	1.522.570.241.813
Trong đó: các khoản tiền gửi dài hạn đến hạn thu hồi	-	-	(1.522.570.241.813)	(1.522.570.241.813)
TỔNG CỘNG	-	-	-	-

(i) Các khoản tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi bằng VND tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 1 năm với lãi suất từ 3,0% đến 9,2%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: lãi suất từ 5,0% đến 7,8%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

7.1 Phải thu ngắn hạn từ khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Phải thu từ chuyển nhượng bất động sản	2.052.139.346.679	1.220.757.401.526
Phải thu từ cho thuê bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ liên quan	287.813.672.599	256.588.553.650
Phải thu từ cung cấp dịch vụ khách sạn, du lịch, vui chơi giải trí và các dịch vụ liên quan	150.607.393.852	91.852.450.219
Phải thu từ cung cấp dịch vụ bệnh viện và các dịch vụ liên quan	44.523.165.719	42.697.629.658
Phải thu từ bán hàng tại siêu thị, cửa hàng tiện ích và các cửa hàng bán lẻ khác	79.209.978.595	100.442.622.389
Phải thu từ cung cấp dịch vụ giáo dục và các dịch vụ liên quan	475.051.121	703.673.277
Phải thu từ cung cấp dịch vụ xây dựng và các dịch vụ liên quan	319.863.391.811	601.465.507.260
Phải thu khác	67.230.479.836	124.292.534.915
TỔNG CỘNG	3.001.862.480.212	2.438.800.372.894
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn từ khách hàng</i>	<i>2.914.289.162.389</i>	<i>2.362.083.197.049</i>
<i>Phải thu ngắn hạn từ bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>	<i>87.573.317.823</i>	<i>76.717.175.845</i>
Dự phòng phải thu khó đòi	(107.173.668.930)	(111.652.055.514)
Chi tiết các khoản phải thu ngắn hạn từ khách hàng chiếm trên 10% tổng phải thu		
<i>Phải thu từ chuyển nhượng dự án từ một đối tác doanh nghiệp</i>	<i>1.095.134.595.178</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu từ chuyển nhượng bất động sản từ một đối tác doanh nghiệp</i>	<i>620.635.499.020</i>	<i>628.772.614.597</i>
<i>Phải thu từ cung cấp dịch vụ xây dựng từ một đối tác doanh nghiệp</i>	<i>57.731.479.406</i>	<i>344.852.318.673</i>

7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

Số dư trả trước cho người bán ngắn hạn tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 chủ yếu bao gồm các khoản trả trước cho:

- ▶ Sở Tài chính Hà Nội cho Dự án mở rộng và hoàn thiện đường Láng – Hòa Lạc;
- ▶ Trung tâm phát triển quỹ đất tham gia giải phóng mặt bằng;
- ▶ Các nhà cung cấp, nhà thầu thi công và các đơn vị tư vấn tham gia vào các Dự án bất động sản của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Ngắn hạn:		
Các khoản cho vay các đối tác doanh nghiệp		
(i)	1.314.443.876.862	698.668.376.862
Các khoản cho vay khách hàng và các cá nhân dài hạn đến hạn thu hồi (ii)	1.009.251.354.122	1.009.251.354.122
Phải thu từ cho vay các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	55.304.181.818	55.204.181.818
	<u>2.378.999.412.802</u>	<u>1.763.123.912.802</u>
Dài hạn:		
Các khoản cho vay các cá nhân (ii)	904.533.000.000	904.533.000.000
Các khoản cho khách hàng vay (ii)	112.278.193.287	112.278.193.287
Khoản cho vay một đối tác doanh nghiệp	55.000.000.000	55.000.000.000
<i>Trong đó: các khoản cho khách hàng và cá nhân vay đến hạn thu hồi</i>	<i>(1.009.251.354.122)</i>	<i>(1.009.251.354.122)</i>
	<u>62.559.839.165</u>	<u>62.559.839.165</u>
Dự phòng phải thu về cho vay khó đòi	(69.940.325.837)	(67.064.381.376)

(i) Khoản này bao gồm:

- Các khoản cho các đối tác doanh nghiệp vay không có tài sản đảm bảo với lãi suất 7% đến 10%/năm.
- Một khoản vay chuyển đổi cung cấp bởi Công ty Tân Liên Phát cho một đối tác doanh nghiệp, với lãi suất tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này là 10%/năm, theo đó, Công ty Tân Liên Phát có khả năng chuyển đổi khoản vay này thành cổ phiếu của bên nhận vay. Trong kỳ, Công ty Tân Liên Phát đã cho đối tác này vay thêm 598,4 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 Công ty Tân Liên Phát chưa thực hiện bất kỳ quyền chuyển đổi nào.

(ii) Khoản này bao gồm:

- Các khoản cho các khách hàng thuê tại các trung tâm thương mại của Tập đoàn vay. Các khoản cho vay này có kỳ hạn từ 3 năm đến 5 năm. Các khoản vay này được đảm bảo bởi cổ phiếu của khách hàng thuê nắm giữ bởi các cổ đông lớn, hoặc bằng toàn bộ tài sản và hàng tồn kho của khách hàng thuê tại quầy thuê;
- Các khoản cho các cá nhân vay để mua cổ phần một công ty liên kết của Tập đoàn. Các khoản cho vay này có thời hạn 3 năm tính từ năm 2013 và hưởng lãi suất 13%/năm. Tài sản đảm bảo của khoản cho vay này là toàn bộ số cổ phần công ty liên kết nhận chuyển nhượng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Ngắn hạn:				
Lãi phải thu từ các khoản cho vay, đặt cọc và tiền gửi ngân hàng	1.028.588.953.093	19.806.035.608	890.625.661.389	17.803.142.740
Ký quỹ mở thư tín dụng	513.088.363.822	-	66.841.542.654	-
Ký quỹ cho mục đích đảm bảo phát triển dự án, mở bán căn hộ	559.634.444.106	-	532.479.238.433	-
Cổ tức phải thu	36.115.522.222	18.057.761.111	36.115.522.222	18.057.761.111
Tạm ứng cho nhân viên	79.200.000.000	-	59.515.702.495	-
Phải thu từ chuyển nhượng khoản đầu tư	-	-	93.448.998.244	-
Phải thu từ chuyển thừa tiền cho đối tác liên quan tới hoạt động chuyển nhượng bất động sản	88.530.014.652	-	-	-
Phải thu từ chi hộ hoạt động xây dựng	96.448.305.645	-	-	-
Phải thu từ chủ sở hữu cũ của các công ty con	223.770.811.041	-	220.279.946.923	-
Phải thu lại khoản đặt cọc từ hợp đồng đầu tư (i)	1.050.000.000.000	-	1.050.000.000.000	-
Phải thu khác	302.223.077.305	-	216.447.918.587	-
TỔNG CỘNG	3.977.599.491.886	37.863.796.719	3.165.754.530.947	35.860.903.851
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	<i>3.972.656.130.559</i>	<i>-</i>	<i>3.154.795.491.628</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>	<i>4.943.361.327</i>	<i>-</i>	<i>10.959.039.319</i>	<i>-</i>
Dài hạn:				
Đặt cọc thuê gian hàng dài hạn	291.517.497.132	-	179.574.004.529	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn (ii)	120.187.500.000	-	-	-
Phải thu khác	14.680.399.504	-	12.190.234.785	-
TỔNG CỘNG	426.385.396.636	-	191.764.239.314	-

(i) Đây là khoản phải thu lại tiền đặt cọc 1.050 tỷ VND cho một đối tác doanh nghiệp. Khoản tiền này trước đây được đặt cọc cho mục đích phát triển một dự án bất động sản tiềm năng tại thành phố Hà Nội.

(ii) Khoản tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 có kỳ hạn 3 năm với lãi suất 7%/năm nhằm mục đích đảm bảo thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng bảo lãnh phát hành trái phiếu (Thuyết minh 25.2.2)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Bất động sản để bán đang xây dựng	21.550.335.005.647	23.916.488.173.756
Bất động sản sẵn sàng để bán (*)	1.861.576.982.974	2.254.855.916.792
Hàng tồn kho bệnh viện, siêu thị, khách sạn và gian hàng chuyên doanh	1.706.849.611.656	1.417.091.695.671
Hàng mua đang đi đường	97.297.393.702	297.671.215.241
Nguyên vật liệu xây dựng	99.959.499.201	91.902.736.933
Công cụ, dụng cụ	68.114.078.478	78.385.314.913
Hàng tồn kho khác	34.738.878.917	29.500.782.315
TỔNG CỘNG	<u>25.418.871.450.575</u>	<u>28.085.895.835.621</u>

(*) Trong đó, bất động sản mua để bán có giá trị là 398 tỷ VND.

Chi tiết về việc sử dụng hàng tồn kho bất động sản là tài sản thế chấp cho các khoản vay và các khoản trái phiếu của Tập đoàn được trình bày tại Thuyết minh số 25.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Số đầu kỳ	58.478.146.455	7.055.170.624
Cộng: Trích lập và hoàn trích trong kỳ	29.032.710.899	51.422.975.831
Số cuối kỳ	<u>87.510.857.354</u>	<u>58.478.146.455</u>

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Ngắn hạn:		
Chi phí bán hàng liên quan đến các căn hộ chưa bàn giao	989.555.092.464	1.141.536.744.894
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	129.541.562.571	102.913.017.914
Chi phí lãi vay, bảo lãnh trái phiếu trả trước	28.323.053.953	23.446.929.828
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trả trước	210.108.057.688	207.807.092.577
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	76.684.356.860	72.325.615.988
TỔNG CỘNG	<u>1.434.212.123.536</u>	<u>1.548.029.401.201</u>
Dài hạn:		
Chi phí thuê đất trả trước	227.660.679.242	163.520.735.608
Chi phí sửa chữa lớn	40.698.464.873	37.798.336.027
Chi phí công cụ, dụng cụ	919.504.095.936	1.018.070.710.745
Chi phí trước hoạt động	97.664.348.261	106.227.531.032
Chi phí thuê mặt bằng siêu thị trả trước	33.336.887.944	36.999.995.943
Chi phí trả trước dài hạn khác	96.260.507.364	75.278.841.194
TỔNG CỘNG	<u>1.415.124.983.620</u>	<u>1.437.896.150.549</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Ngắn hạn:		
Đặt cọc cho mục đích đầu tư (i)	8.180.683.556.068	4.629.328.253.727
Cổ tức ứng trước cho cổ đông nắm cổ phiếu ưu đãi của công ty con	379.022.447.119	598.725.944.622
Tài sản ngắn hạn khác	283.467.228.467	283.467.228.467
TỔNG CỘNG	<u>8.843.173.231.654</u>	<u>5.511.521.426.816</u>
Dài hạn:		
Đặt cọc cho mục đích đầu tư (ii)	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>3.000.000.000.000</u>	<u>3.000.000.000.000</u>

(i) Trong đó chủ yếu bao gồm:

- ▶ Khoản đặt cọc 6.000 tỷ VND cho các đối tác cá nhân để nhận chuyển nhượng thêm cổ phần của một khoản đầu tư tài chính dài hạn của Tập đoàn;
- ▶ Khoản đặt cọc 472 tỷ VND để mua cổ phần phát hành của một doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực văn hóa;
- ▶ Khoản đặt cọc 466 tỷ VND cho một đối tác doanh nghiệp để nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Tân Liên Phát, công ty con;
- ▶ Khoản đặt cọc 457 tỷ VND cho Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh để mua cổ phần của một doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực xây dựng;
- ▶ Khoản đặt cọc 400 tỷ VND cho hai đối tác cá nhân để nhận chuyển nhượng cổ phần của một công ty liên kết;
- ▶ Khoản đặt cọc 319 tỷ VND cho một đối tác doanh nghiệp để phát triển một dự án bất động sản tiềm năng tại Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

(ii) Khoản đặt cọc 3.000 tỷ VND cho một đối tác doanh nghiệp đảm bảo quyền được tham gia hợp tác thực hiện một dự án bất động sản tiềm năng tại tỉnh Hưng Yên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHON LỘC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Đơn vị tính: VND
						Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số dư đầu kỳ	14.546.599.894.304	5.813.447.671.180	716.002.066.494	543.208.623.935	418.437.068.921	22.037.695.324.834
Tăng trong kỳ	1.109.706.538.902	632.809.216.902	47.601.056.344	34.466.096.749	28.373.389.304	1.852.956.298.201
Trong đó:						
Mua mới	-	556.756.769.767	46.864.056.343	34.378.926.749	20.157.621.054	658.157.373.913
Xây dựng mới	762.730.040.193	-	-	-	-	762.730.040.193
Tặng do mua công ty con	6.769.697.454	-	-	-	-	6.769.697.454
Phân loại từ bất động sản đầu tư (Thuyết minh số 15)	311.051.130.505	73.694.447.135	-	-	-	384.745.577.640
Tặng khác	29.155.670.750	2.358.000.000	737.000.001	87.170.000	8.215.768.250	40.553.609.001
Giảm trong kỳ	(159.326.082.891)	(79.184.503.836)	(22.691.635.825)	(13.684.351.412)	(30.543.686.717)	(305.430.260.681)
Trong đó:						
Thanh lý, nhượng bán	-	(18.358.255.441)	(20.475.460.988)	(12.403.933.807)	(11.714.557.297)	(62.952.207.533)
Phân loại sang bất động sản đầu tư (Thuyết minh số 15)	(118.513.823.923)	(56.587.235.628)	-	-	-	(175.101.059.551)
Giảm khác	(40.812.258.968)	(4.239.012.767)	(2.216.174.837)	(1.280.417.605)	(18.829.129.420)	(67.376.993.597)
Số dư cuối kỳ	15.496.980.350.315	6.367.072.384.246	740.911.487.013	563.990.369.272	416.266.771.508	23.585.221.362.354
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	4.470.134.982	75.815.842.272	3.422.680.248	18.029.313.880	15.080.906.177	116.818.877.559
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số dư đầu kỳ	1.150.641.947.558	1.300.301.053.287	199.012.256.210	154.186.221.725	119.207.760.303	2.923.349.239.083
Tăng trong kỳ	164.800.589.208	167.317.547.480	20.897.939.939	18.755.300.178	13.836.394.692	385.607.771.497
Trong đó:						
Khấu hao trong kỳ	142.336.453.129	132.673.729.087	20.897.939.939	18.755.300.178	13.836.394.692	328.499.817.025
Tặng do mua công ty con	3.572.387.340	-	-	-	-	3.572.387.340
Phân loại từ bất động sản đầu tư (Thuyết minh số 15)	18.891.748.739	34.643.818.393	-	-	-	53.535.567.132
Trong đó:	(29.695.561.459)	(37.323.998.880)	(1.497.841.161)	(994.399.211)	(3.557.849.390)	(73.069.650.101)
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.891.085.965)	(1.214.312.911)	(566.986.729)	(3.370.828.843)	(12.043.214.448)
Phân loại sang bất động sản đầu tư (Thuyết minh số 15)	(7.775.022.918)	(29.057.651.986)	-	-	-	(36.832.674.904)
Giảm khác	(21.920.538.547)	(1.375.260.929)	(283.528.250)	(427.412.482)	(187.020.547)	(24.193.760.749)
Số dư cuối kỳ	1.285.746.975.307	1.430.294.601.887	218.412.354.988	171.947.122.692	129.486.305.605	3.235.887.360.479
Giá trị còn lại:						
Số dư đầu kỳ	13.395.957.946.746	4.513.146.617.893	516.989.810.284	389.022.402.210	299.229.308.618	19.114.346.085.751
Số dư cuối kỳ	14.211.233.375.008	4.936.777.782.359	522.499.132.025	392.043.246.580	286.780.465.903	20.349.334.001.875

Việc sử dụng tài sản cố định hữu hình là tài sản thế chấp cho các khoản vay và các khoản trái phiếu của Tập đoàn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 25.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHON LỘC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền phân phối	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Quyền thuê đất	Website thương mại điện tử	Bàn quyền	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:								
Số dư đầu kỳ (Tính bày lại)	37.127.969.964	94.000.000.000	192.715.386.072	75.942.351.284	275.936.512.654	16.134.064.278	173.379.481.755	865.235.746.007
Tăng trong kỳ	-	9.869.175.000	-	-	-	-	54.389.675.576	64.258.850.576
Trong đó:								
Mua mới	-	9.869.175.000	-	-	-	-	54.389.675.576	64.258.850.576
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(3.946.863.865)	(3.946.863.865)
Trong đó:								
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(3.946.863.865)	(3.946.863.865)
Số dư cuối kỳ	37.127.969.964	103.869.175.000	192.715.386.072	75.942.351.284	275.936.512.654	16.134.064.278	223.822.273.466	925.547.732.718
Trong đó:								
Đã khấu hao hết	-	-	-	-	-	530.358.400	16.070.683.465	16.601.041.865
Giá trị hao mòn lũy kế:								
Số dư đầu kỳ (Tính bày lại)	-	49.611.111.111	30.483.119.413	2.198.795.181	5.299.744.420	3.118.031.198	51.720.091.661	142.430.892.984
Tăng trong kỳ	-	7.967.170.139	5.760.477.904	945.481.927	3.533.162.947	668.811.746	5.538.000.744	24.413.105.407
Trong đó:								
Hao mòn trong kỳ	-	7.967.170.139	5.760.477.904	945.481.927	3.533.162.947	668.811.746	5.538.000.744	24.413.105.407
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(1.209.086.103)	(1.209.086.103)
Trong đó:								
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(1.209.086.103)	(1.209.086.103)
Số dư cuối kỳ	-	57.578.281.250	36.243.597.317	3.144.277.108	8.832.907.367	3.786.842.944	56.049.006.302	165.634.912.288
Giá trị còn lại:								
Số dư đầu kỳ (Tính bày lại)	37.127.969.964	44.388.888.889	162.232.266.659	73.743.556.103	270.636.768.234	13.016.033.080	121.659.370.094	722.804.853.023
Số dư cuối kỳ	37.127.969.964	46.290.893.750	156.471.788.755	72.798.074.176	267.103.605.287	12.347.221.334	167.773.267.164	759.912.820.430

Việc sử dụng tài sản cố định vô hình là tài sản thế chấp cho các khoản vay và các khoản trái phiếu của Tập đoàn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 25.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHON LOC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất, quyền phát triển dự án	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:				Tổng cộng
Số dư đầu kỳ	7.573.842.091.224	8.472.292.443.588	2.146.360.029.445	18.192.494.564.257
Tăng trong kỳ	5.308.505.644	666.002.898.495	61.884.794.513	733.196.198.652
Trong đó:				
Xây dựng mới	-	552.797.580.216	5.297.558.885	558.095.139.101
Phân loại từ tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh số 13)	5.308.505.644	113.205.318.279	56.587.235.628	175.101.059.551
Giảm trong kỳ	(7.548.539.217)	(306.651.119.534)	(74.039.780.964)	(388.239.439.715)
Trong đó:				
Phân loại sang hàng tồn kho	(168.225.058)	(2.980.303.188)	(345.333.829)	(3.493.862.075)
Phân loại sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh số 13)	(7.380.314.159)	(303.670.816.346)	(73.694.447.135)	(384.745.577.640)
Số dư cuối kỳ	7.571.602.057.651	8.831.644.222.549	2.134.205.042.994	18.537.451.323.194
Giá trị hao mòn:				
Số dư đầu kỳ	204.589.816.452	644.770.160.128	515.470.344.144	1.364.830.320.724
Tăng trong kỳ	38.021.568.760	76.510.769.500	104.076.006.549	218.608.344.809
Trong đó:				
Khấu hao trong kỳ	36.831.701.177	69.925.614.165	75.018.354.563	181.775.669.905
Phân loại từ tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh số 13)	1.189.867.583	6.585.155.335	29.057.651.986	36.832.674.904
Giảm trong kỳ	(279.631.534)	(19.084.396.442)	(34.695.618.467)	(54.059.646.443)
Trong đó:				
Phân loại sang hàng tồn kho	(25.233.759)	(447.045.478)	(51.800.074)	(524.079.311)
Phân loại sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh số 13)	(254.397.775)	(18.637.350.964)	(34.643.818.393)	(53.535.567.132)
Số dư cuối kỳ	242.331.753.678	702.196.533.186	584.850.732.226	1.529.379.019.090
Giá trị còn lại:				
Số dư đầu kỳ	7.369.252.274.772	7.827.522.283.460	1.630.889.685.301	16.827.664.243.533
Số dư cuối kỳ	7.329.270.303.973	8.129.447.689.363	1.549.354.310.768	17.008.072.304.104

Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của phần diện tích căn hộ cho thuê dài hạn thuộc Dự án Vinhomes Royal City hiện đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho một khoản vay của một khoản vay của một đối tác doanh nghiệp.

Xem chi tiết tại Thuyết minh số 25 về việc sử dụng bất động sản đầu tư là tài sản thế chấp cho các khoản vay và các khoản trái phiếu của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

16. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong kỳ, Tập đoàn đã vốn hóa chi phí đi vay với tổng số tiền là 227 tỷ VND (cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015: 310 tỷ VND). Các khoản chi phí đi vay này liên quan đến các khoản vay chung và vay trực tiếp cho mục đích đầu tư các dự án bất động sản của Tập đoàn.

Chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay chung được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa 7,45%/năm (cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015: 12,7%/năm) trên chi phí lũy kế bình quân gia quyền của các dự án bất động sản. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm của Tập đoàn.

17. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi tiết các dự án xây dựng cơ bản dở dang dài hạn như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Dự án Vinhomes Star (*)	3.117.964.638.106	3.010.584.175.105
Dự án Vinhomes Paradise (*)	1.990.895.655.377	1.987.225.173.391
Dự án Vinhomes Central Park (*)	1.482.201.082.013	1.818.156.762.596
Dự án Vinhomes Riverside 2	1.182.610.844.453	1.135.894.144.276
Dự án Thảo Điền (*)	844.915.678.756	844.666.731.848
Dự án Vinhomes Melodia (*)	817.972.759.456	817.972.759.456
Dự án Vinpearl Premium Golf Land	-	668.363.446.429
Dự án Vincom Xuân Khánh Cần Thơ	781.333.455.887	622.457.582.346
Dự án Vincom Phạm Ngọc Thạch (*)	644.571.967.021	586.183.027.208
Dự án Vinhomes Smart City (*)	566.272.762.864	561.485.481.324
Dự án Bệnh viện Vinmec	676.341.246.277	509.750.176.708
Dự án Vincom Plaza Gò Vấp	-	490.336.000.000
Dự án Khu đô thị sinh thái đảo Vũ Yên	476.054.275.255	410.632.423.817
Dự án Vinpearl Quy Nhơn (*)	412.890.244.644	400.452.118.618
Dự án Vinpearl Phú Quốc	418.594.657.813	395.053.725.772
Dự án Vinhomes Riverside Hải Phòng	468.382.266.887	309.249.657.518
Dự án Sân golf Cồn Ấu, Cần Thơ	298.021.020.008	264.421.179.531
Dự án Vincom Bắc Ninh (*)	265.089.012.957	261.266.168.755
Dự án Làng Vân	260.696.772.496	255.707.579.088
Dự án Times City	706.638.505.493	244.612.364.031
Dự án Hòn Một (*)	222.061.969.695	222.061.969.695
Dự án Vinpearl Empire Condotel Nha Trang	221.000.165.543	215.967.772.182
Các dự án về nông nghiệp	667.374.341.291	197.525.140.937
Dự án khách sạn Vinhomes Riverside	174.283.469.901	174.164.560.811
Dự án các khu vui chơi giải trí Vinpearlland	247.897.146.704	152.192.079.793
Dự án Tây Hồ View	155.882.546.970	152.852.323.368
Các dự án khu sân Golf và khu Spa Vinpearl Nha Trang	144.243.576.253	137.233.168.277
Các hạng mục nâng cấp hệ thống siêu thị Vinmart	250.395.143.485	122.032.432.940
Dự án Vincom Buôn Mê Thuột	-	101.113.430.230
Dự án Vincom Plaza Biên Hòa	100.694.000.000	100.694.000.000
Dự án Vinpearl Hội An	86.725.010.207	82.574.687.134
Dự án Vincom Hà Tĩnh	87.224.493.827	79.461.006.322
Dự án Vincom Hùng Vương, Huế	84.003.297.597	71.638.460.640
Dự án Vincom Lý Bôn Thái Bình	89.811.887.227	60.826.885.884
Dự án Thương mại điện tử giai đoạn 2	25.899.738.346	25.899.738.346
Các dự án khác	822.473.347.073	624.585.030.478
TỔNG CỘNG	18.791.416.979.882	18.115.293.364.854

(*) Chi phí xây dựng cơ bản các dự án trên bao gồm cả quyền phát triển dự án.

Xem chi tiết tại Thuyết minh số 25 về việc sử dụng tài sản dở dang dài hạn là tài sản thế chấp cho các khoản vay và các khoản trái phiếu của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

18. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

		Đơn vị tính: VND	
	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Đầu tư vào các công ty liên kết	18.1	6.724.484.101.868	6.715.538.162.046
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	18.2	3.487.165.993.681	2.882.019.433.681
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	18.2	(87.167.222.734)	-
TỔNG CỘNG		10.124.482.872.815	9.597.557.595.727

18.1 Đầu tư vào các công ty liên kết

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này như sau:

	Đơn vị tính: VND		
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Phân chia lãi/(lỗ) trong kỳ	Ngày 31 tháng 3 năm 2016
Công ty Cổ phần Bê tông Ngoại thương ("Công ty Bê tông Ngoại thương")	24.410.420.502	2.012.411.588	26.422.832.090
Công ty Cổ phần Phát triển Thành phố Xanh ("Công ty Thành phố Xanh")	979.672.327.325	237.912.953	979.910.240.278
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thăng Long ("Công ty BĐS Thăng Long")	171.306.421.130	200.208.972	171.506.630.102
Công ty Cổ phần Giống vật nuôi Hà Nội ("Công ty Giống vật nuôi Hà Nội")	47.404.859.687	194.134.489	47.598.994.176
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông ("Công ty Ngọc Viễn Đông")	522.327.960.907	4.117.837.667	526.445.798.574
Công ty Cổ phần Thời trang M.Y.M ("Công ty Thời trang M.Y.M")	81.600.013.951	(6.325.881.609)	75.274.132.342
Công ty Cổ phần Cảng Nha Trang ("Công ty Cảng Nha Trang")	89.924.078.544	729.366.014	90.653.444.558
Công ty Cổ phần Đô thị Du lịch Cần Giờ ("Công ty Du lịch Cần Giờ")	4.798.892.080.000	7.779.949.748	4.806.672.029.748
TỔNG CỘNG	6.715.538.162.046	8.945.939.822	6.724.484.101.868

Thông tin chi tiết về tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết này tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)
1	Công ty Bê tông Ngoại thương	30,00	30,00
2	Công ty Thành phố Xanh	49,10	46,76
3	Công ty BĐS Thăng Long	35,00	35,00
4	Công ty Giống vật nuôi Hà Nội	37,63	22,71
5	Công ty Ngọc Viễn Đông	45,00	45,00
6	Công ty Cảng Nha Trang	34,64	30,60
7	Công ty Thời trang M.Y.M	39,00	39,00
8	Công ty Du lịch Cần Giờ	34,90	34,11

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

18. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết các khoản đầu tư của Tập đoàn vào cổ phiếu của các công ty như sau:

	Ngày 31 tháng 3 năm 2016			Ngày 31 tháng 12 năm 2015				
	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sinh Thái	54.741.497	18,25	564.728.918.336	-	54.741.497	18,25	564.728.918.336	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh niên	400.000	3,87	12.400.000.000	-	400.000	3,87	12.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Thuận Phong	300.000	3,00	3.000.000.000	-	300.000	3,00	3.000.000.000	-
Tổng Công ty Dệt may Việt Nam	50.000.000	10,00	552.395.000.000	-	50.000.000	10,00	552.395.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thương mại Thành Phố Hồ Chí Minh (i)	95.000.000	19,00	2.129.642.075.345	-	56.985.344	19,00	1.749.495.515.345	-
Công ty Quản lý Vinhomes (ii)	(ii)	12,50	225.000.000.000	(87.167.222.734)	-	-	-	-
TỔNG CỘNG			3.487.165.993.681	(87.167.222.734)			2.882.019.433.681	

(i) Theo Nghị quyết số 02/2016/NQ-ĐHĐCĐ-DVTM HCM JSC ngày 1 tháng 2 năm 2016, Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thương mại Thành Phố Hồ Chí Minh đã quyết định tăng thêm 2.000.000.000 VND vốn cổ phần thông qua việc phát hành thêm cổ phần phổ thông cho các cổ đông hiện hữu. Theo đó, Tập đoàn đã tăng giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thương mại Thành Phố Hồ Chí Minh thêm 380 tỷ VND với tỷ lệ sở hữu không thay đổi.

(ii) Vào ngày 4 tháng 2 năm 2015, Công ty ILF đã được sáp nhập vào Công ty Quản lý Vinhomes theo các hợp đồng ký kết giữa Tập đoàn với các đối tác cá nhân là cổ đông của Công ty ILF. Theo đó, tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn trong Công ty Quản lý Vinhomes sau sáp nhập giảm xuống thành 12,5% như trình bày ở Thuyết minh số 4 và Công ty Quản lý Vinhomes trở thành khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Tập đoàn. Công ty Quản lý Vinhomes là công ty trách nhiệm hữu hạn tại ngày 31 tháng 3 năm 2016. Trong kỳ, Tập đoàn đã trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty Quản lý Vinhomes với số tiền là 87 tỷ VND.

Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua các công ty con	Nguyên giá				Giá trị còn lại				
	Số dư đầu kỳ (Trình bày lại)	Tăng trong kỳ ⁽³⁾	Giảm trong kỳ	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ (Trình bày lại)	Phân bổ trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số dư cuối kỳ (Trình bày lại)	Số dư cuối kỳ
Công ty Nam Hà	2.246.022.053.760	-	-	2.246.022.053.760	902.420.080.148	55.875.233.531	-	958.295.313.679	1.343.601.973.612
Nội	567.441.137.177	-	-	567.441.137.177	239.945.375.259	13.421.867.014	-	253.367.242.273	327.495.761.918
Công ty PFV ⁽¹⁾	2.251.823.291.311	-	-	2.251.823.291.311	582.585.568.551	55.890.343.640	-	638.475.912.191	1.669.237.722.760
Công ty Sài Đồng	1.262.707.762.179	-	-	1.262.707.762.179	538.559.740.526	31.678.200.724	-	570.237.941.250	724.148.021.653
Gia	208.390.722.257	-	(530.430.747)	208.860.291.510	104.639.956.861	5.365.270.632	(275.102.344)	109.730.125.149	104.750.765.396
Công ty Vinpearl Đà Nẵng ⁽²⁾	498.584.453.672	-	(3.359.548.763)	495.224.904.909	54.013.315.814	12.432.465.342	(427.460.394)	66.018.320.762	444.571.137.858
Công ty Tân Liên Phát ⁽²⁾	421.707.818.920	-	(1.662.851.354)	420.044.967.566	61.036.868.474	11.031.213.056	(272.111.408)	71.795.970.122	360.670.950.446
Công ty Vincommerce ⁽²⁾									
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Khánh Gia ⁽²⁾	218.481.464.295	-	(3.416.530.094)	215.064.934.201	22.677.796.181	5.655.237.028	(419.213.216)	27.913.819.993	195.803.668.114
Công ty Vinlinks ⁽²⁾	212.916.929.493	-	-	212.916.929.493	14.676.805.602	5.302.528.895	-	19.979.334.497	198.240.123.891
Công ty An Phong ⁽²⁾	437.342.855.521	-	(6.839.001.342)	430.503.854.179	5.783.311.684	10.891.680.310	(219.722.461)	16.455.269.533	431.559.543.837
Công ty Vinaconex – Viettel ⁽²⁾	2.220.737.168.894	-	(13.601.655.532)	2.207.135.513.362	555.184.292	55.305.714.934	(260.527.601)	55.600.371.625	2.220.181.984.602
Công ty Đồng Phú Hưng-Bình Thuận ⁽²⁾	452.448.609.116	-	(4.516.547.237)	447.932.061.879	377.040.508	11.267.877.239	(6.187.051)	11.638.730.696	452.071.568.608
Các công ty con khác	111.182.938.642	31.545.289.410	(705.156.979)	142.023.071.073	19.441.015.654	3.685.826.739	(152.298.514)	22.974.543.879	91.741.922.988
TỔNG CỘNG	11.110.787.205.237	31.545.289.410	(34.631.722.048)	11.107.700.772.599	2.546.712.069.554	277.803.459.084	(2.032.622.989)	2.822.482.895.649	8.564.075.145.683

Đơn vị tính: VND

- (1) Trong năm 2013, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại PFV ("Công ty PFV"), công ty con, đã được sáp nhập vào Công ty.
- (2) Trong năm 2016, tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn trong các công ty con này giảm xuống do một số giao dịch tái cơ cấu, dẫn đến Lợi thế thương mại được điều chỉnh giảm tương ứng.
- (3) Đây là các Lợi thế thương mại được hình thành từ các giao dịch hợp nhất kinh doanh diễn ra trong kỳ như trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Thanh toán theo các hợp đồng chuyển nhượng bất động sản để bán	19.651.400.641.874	19.365.321.728.392
Thanh toán theo các hợp đồng khác	831.874.051.107	855.774.737.625
<i>Tạm ứng từ hợp đồng cho thuê căn hộ dài hạn</i>	<i>180.845.742.865</i>	<i>191.433.541.758</i>
<i>Tạm ứng từ hoạt động cung cấp dịch vụ nhà hàng, khách sạn</i>	<i>146.282.313.333</i>	<i>168.147.343.315</i>
<i>Tạm ứng từ hoạt động cung cấp dịch vụ bệnh viện</i>	<i>36.347.157.509</i>	<i>32.924.875.970</i>
<i>Tạm ứng từ hoạt động tổng thầu xây dựng</i>	<i>446.407.001.564</i>	<i>417.955.827.622</i>
<i>Tạm ứng từ hoạt động cung cấp dịch vụ giáo dục và hoạt động khác</i>	<i>21.991.835.836</i>	<i>45.313.148.960</i>
TỔNG CỘNG	<u>20.483.274.692.981</u>	<u>20.221.096.466.017</u>

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 33.2)	855.457.942.057	661.166.354.957
Thuế giá trị gia tăng	145.149.129.047	643.176.298.743
Thuế thu nhập cá nhân	35.101.865.202	53.076.285.062
Tiền sử dụng đất và tiền thuê đất phải nộp	173.263.835.500	170.609.765.250
Thuế nhà thầu phải nộp từ giao dịch nhận chuyển nhượng cổ phần	-	112.752.577.813
Thuế và các khoản phải nộp khác	10.188.915.092	37.619.946.544
TỔNG CỘNG	<u>1.219.161.686.898</u>	<u>1.678.401.228.369</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Chi phí xây dựng trích trước	2.774.520.876.749	3.833.550.276.538
Giá vốn trích trước cho bất động sản đã chuyển nhượng	1.442.307.589.465	1.481.238.686.362
Chi phí lãi vay trích trước	1.246.454.270.986	830.480.551.017
Chi phí môi giới trích trước	359.677.239.299	170.787.321.201
Các khoản chi phí phải trả khác	401.822.322.016	604.838.303.862
TỔNG CỘNG	<u>6.224.782.298.515</u>	<u>6.920.895.138.980</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí phải trả ngắn hạn cho bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>	<i>12.048.186.112</i>	<i>6.476.650.924</i>
<i>Chi phí phải trả ngắn hạn khác</i>	<i>6.212.734.112.403</i>	<i>6.914.418.488.056</i>

23. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Ngắn hạn:		
Doanh thu chưa thực hiện từ dịch vụ quản lý căn hộ, biệt thự	-	194.671.051.737
Doanh thu chưa thực hiện từ dịch vụ giáo dục	229.477.770.547	365.247.876.157
Doanh thu chưa thực hiện từ dịch vụ quản lý cho thuê biệt thự	192.477.160.466	148.083.223.337
Doanh thu chưa thực hiện từ dịch vụ cho thuê văn phòng	55.701.439.557	97.876.548.628
Doanh thu chưa thực hiện từ dịch vụ khác	412.800.394.801	250.859.319.417
TỔNG CỘNG	<u>890.456.765.371</u>	<u>1.056.738.019.276</u>
Dài hạn:		
Doanh thu chưa thực hiện từ dịch vụ quản lý căn hộ, biệt thự	-	1.198.094.154.929
Doanh thu chưa thực hiện từ dịch vụ giáo dục	69.174.211.509	90.716.093.933
Doanh thu chưa thực hiện từ dịch vụ quản lý cho thuê biệt thự	1.678.277.955.945	1.319.975.110.242
Doanh thu chưa thực hiện từ dịch vụ cho thuê văn phòng	16.990.164.019	7.668.595.322
Doanh thu chưa thực hiện từ dịch vụ khác	57.069.199.666	66.957.578.042
TỔNG CỘNG	<u>1.821.511.531.139</u>	<u>2.683.411.532.468</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

24. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

24.1 Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Tiền ứng vốn từ khách hàng theo các hợp đồng đặt cọc, vay vốn và hợp đồng khác (i)	24.544.423.936.719	24.902.889.733.089
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.849.171.843.677	3.651.256.298.590
<i>Đặt cọc từ khách hàng thuê phải trả trong vòng 12 tháng tới (Thuyết minh số 24.2)</i>	<i>298.077.431.040</i>	<i>198.735.029.285</i>
<i>Đặt cọc từ đối tác để mua lại các khoản đầu tư của Tập đoàn (ii)</i>	<i>1.980.980.291.675</i>	<i>1.142.312.091.675</i>
<i>Phải trả mua cổ phần (iii)</i>	<i>711.580.140.000</i>	<i>1.082.421.151.363</i>
<i>Các khoản thu hộ phải trả</i>	<i>166.874.755.096</i>	<i>226.536.581.710</i>
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>68.462.387.376</i>	<i>66.146.583.977</i>
<i>Bảo hiểm xã hội phải nộp</i>	<i>28.635.650.627</i>	<i>12.765.259.655</i>
<i>Phải trả khách hàng do hủy hợp đồng</i>	<i>1.541.054.315</i>	<i>189.536.276.226</i>
<i>Quỹ bảo trì căn hộ giữ hộ khách hàng</i>	<i>308.552.573.649</i>	<i>460.188.180.130</i>
<i>Phải trả khách hàng do chấm dứt việc cho thuê trước hạn</i>	<i>-</i>	<i>23.010.241.318</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>284.467.559.899</i>	<i>249.604.903.251</i>
	<u>28.393.595.780.396</u>	<u>28.554.146.031.679</u>

Trong đó:

<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>	<i>28.381.547.594.284</i>	<i>28.517.060.118.470</i>
<i>Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>37.085.913.209</i>

(i) Trong đó bao gồm:

- ▶ Các khoản đặt cọc và các hợp đồng vay vốn với tổng số tiền 16.902 tỷ VND từ khách hàng cho mục đích ký kết các hợp đồng mua bán nhà phố thương mại, căn hộ và biệt thự tại các dự án bất động sản của Tập đoàn; và
- ▶ Khoản đặt cọc với tổng số tiền là 7.642 tỷ VND từ các đối tác doanh nghiệp theo Thỏa thuận Đặt cọc cho mục đích ký kết các Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh liên quan đến việc phát triển Dự án Vinhomes Central Park. Theo Thỏa thuận Đặt cọc, Tập đoàn tiếp tục sử dụng một số căn hộ sẽ hình thành trong tương lai thuộc Dự án Vinhomes Central Park để đảm bảo cho các khoản đặt cọc này.

(ii) Trong đó chủ yếu bao gồm:

- ▶ Khoản đặt cọc với số tiền là 648 tỷ VND từ một đối tác doanh nghiệp cho mục đích nhận chuyển nhượng một phần tài sản của dự án Vincom Megamall Thảo Điền;
- ▶ Khoản đặt cọc với số tiền 420 tỷ VND từ một đối tác doanh nghiệp cho mục đích mua lại cổ phần trong Công ty Sen Việt Công thương và Công ty Công đoàn Ngân hàng Công thương (Thuyết minh số 4);
- ▶ Khoản đặt cọc với số tiền 352 tỷ VND từ các đối tác cá nhân để mua lại cổ phần trong Công ty Vincommerce;
- ▶ Khoản đặt cọc với số tiền 275 tỷ VND từ một đối tác doanh nghiệp để mua phần vốn góp trong Tổng Công ty Dệt may Việt Nam; và
- ▶ Khoản đặt cọc với số tiền 199 tỷ VND từ các đối tác cá nhân để mua lại phần vốn góp trong Công ty ISADO.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

24. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)

24.1 Các khoản phải trả ngắn hạn khác (tiếp theo)

(iii) Trong đó bao gồm:

- ▶ Các khoản phải trả với số tiền 296 tỷ VND cho bên thứ ba để mua cổ phần trong Công ty An Phong, sau khi bù trừ một phần với các khoản phải thu từ bên thứ ba này;
- ▶ Khoản phải trả với số tiền 413 tỷ VND cho một đối tác doanh nghiệp để mua phần vốn góp trong Công ty Metropolis Hà Nội.

24.2 Các khoản phải trả dài hạn khác

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Dài hạn		
Thanh toán từ khách hàng theo hợp đồng thuê văn phòng Vincom Đồng Khởi (i)	3.988.274.000.000	3.988.274.000.000
Các khoản đặt cọc khác từ khách hàng thuê văn phòng, trung tâm thương mại	677.571.600.408	585.877.406.008
<i>Các khoản đặt cọc từ khách hàng thuê phải hoàn trả trong vòng 12 tháng tới (Thuyết minh số 24.1)</i>	<i>(298.077.431.040)</i>	<i>(198.735.029.285)</i>
Phải trả dài hạn khác	<u>40.663.089.727</u>	<u>30.788.236.251</u>
TỔNG CỘNG	<u>4.408.431.259.095</u>	<u>4.406.204.612.974</u>

- (i) Số dư cuối kỳ là khoản tiền nhận trước của một đối tác doanh nghiệp theo Hợp đồng thuê văn phòng Vincom Đồng Khởi giữa công ty này và Công ty Thời Đại với thời hạn thuê sẽ kết thúc vào năm 2058.

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHON LOC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

25.1 Vay và nợ ngắn hạn

Thuyết minh	Số đầu kỳ			Trong kỳ			Số cuối kỳ		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	604.469.918.658	604.469.918.658	171.113.948.667	(150.623.593.972)	624.960.273.353	624.960.273.353			
Vay ngắn hạn ngân hàng	360.447.875.436	360.447.875.436	284.570.173.614	(92.464.581.225)	552.553.467.825	552.553.467.825			
Vay ngắn hạn khác	459.700.000.000	459.700.000.000	1.587.574.691.336	(193.937.638.545)	1.853.337.052.791	1.853.337.052.791			
TỔNG CỘNG	1.424.617.794.094	1.424.617.794.094	2.043.258.813.617	(437.025.813.742)	3.030.850.793.969	3.030.850.793.969			
Trong đó:									
Vay ngắn hạn từ các bên liên quan	424.700.000.000	424.700.000.000	-	(63.000.000.000)	361.700.000.000	361.700.000.000			
Vay ngắn hạn khác	999.917.794.094	999.917.794.094	2.043.258.813.617	(374.025.813.742)	2.669.150.793.969	2.669.150.793.969			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

25.1 Vay và nợ ngắn hạn (tiếp theo)

25.1.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Ngân hàng	Số cuối kỳ		Ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
	USD	VND			
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	8.569.374	191.439.811.931	6 tháng kể từ ngày giải ngân	Tùy từng lần giải ngân	(i)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quang Trung	11.032.599	246.302.780.463	6 tháng kể từ ngày giải ngân	Tùy từng lần giải ngân	(i)
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		61.542.638.962	Từ tháng 1 năm 2016 đến tháng 7 năm 2016	Từ 6,0% đến 6,5%/năm	(ii)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam		31.427.468.528	Tháng 1 năm 2017	9,0%/năm	Không
Các ngân hàng khác		21.840.767.941	Tháng 6 năm 2016	Từ 6,25% đến 7,5%/năm	Không
TỔNG CỘNG	19.601.973	552.553.467.825			

- (i) Trong đó bao gồm khoản vay được Công ty bảo lãnh thanh toán thư tín dụng không hủy ngang cho Công ty VinEco Tam Đảo và Công ty VinEco.
- (ii) Trong đó bao gồm một khoản vay được đảm bảo bằng khoản cầm cố tiền gửi có kỳ hạn theo hợp đồng cầm cố tài sản có kỳ hạn của Công ty An Phong, một công ty con, và một khoản vay khác được cầm cố bằng 3.045.214 cổ phiếu của Công ty đang được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Địa ốc Thành phố Hoàng Gia, một công ty con, và 3.015.104 cổ phiếu của Công ty đang được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Bất động sản Xavinco, một công ty con (Thuyết minh số 28.5).

25.1.2 Vay ngắn hạn khác

Bao gồm một khoản vay không có tài sản đảm bảo với một đối tác cá nhân và các bên liên quan (Thuyết minh số 34) có lãi suất tương ứng là 15%/năm và 7%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

25.2 Vay và nợ dài hạn

Thuyết minh	Số đầu kỳ			Số phát sinh trong kỳ			Số cuối kỳ			Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ			
Vay dài hạn ngân hàng	10.396.236.955.432	10.396.236.955.432	187.777.863.565	(1.634.597.422.089)	8.949.417.396.908	8.949.417.396.908	8.949.417.396.908			
Khoản vay chuyển đổi	439.278.942.399	439.278.942.399	-	(3.900.000.000)	435.378.942.399	435.378.942.399	435.378.942.399			
Trái phiếu phát hành	22.287.168.627.156	22.287.168.627.156	5.533.592.413.190	(823.071.734.333)	26.997.689.306.013	26.997.689.306.013	26.997.689.306.013			
TỔNG CỘNG	33.122.684.524.987	33.122.684.524.987	5.721.370.276.755	(2.461.569.156.422)	36.382.485.645.320	36.382.485.645.320	36.382.485.645.320			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

25.2 Vay và nợ dài hạn (tiếp theo)

25.2.1 Vay dài hạn ngân hàng

Ngân hàng	Số cuối kỳ		Ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
	USD	VND tương đương			
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung <i>Trong đó: vay dài hạn đến hạn trả</i>		533.569.399.694 <i>(147.363.803.719)</i>	Từ tháng 1 năm 2019 đến tháng 12 năm 2024	Lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng + biên độ từ 1% đến 4,5%/năm	(i)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa <i>Trong đó: vay dài hạn đến hạn trả</i>	198.731 <i>(198.731)</i>	54.680.599.634 <i>(54.680.599.634)</i>	Tháng 3 năm 2017	Lãi suất 6,5% và Lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND 12 tháng + biên độ 4%/năm	(ii)
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam <i>Trong đó: vay dài hạn đến hạn trả</i>		3.394.218.959.487 <i>(315.015.140.361)</i>	Từ tháng 1 năm 2016 đến tháng 7 năm 2024	Lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn tương đương + biên độ từ 3,5% đến 6%/năm	(iii)
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam <i>Trong đó: vay dài hạn đến hạn trả</i>		4.310.901.640.964 <i>(107.900.729.639)</i>	Từ tháng 5 năm 2020 đến tháng 5 năm 2029	Bao gồm Lãi suất 7% và Lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn tương đương + biên độ từ 3% đến 3,6%/năm	(iv)
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín		1.281.007.070.500	Tháng 5 năm 2019	Lãi suất cố định 11,5%/năm trong 12 tháng đầu tiên. Từ tháng 13: Lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn tương đương + biên độ 4%/năm	(v)
Khoản vay chuyển đổi nước ngoài	20.000.000	435.378.942.381	Tháng 10 năm 2019	Lãi suất cố định 8,75%/năm	(vi)
TỔNG CỘNG	20.000.000	9.384.796.339.307			
<i>Trong đó</i>					
<i>Vay dài hạn</i>		10.009.756.612.660			
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>		(624.960.273.353)			

(i) *Vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung*

Khoản vay thứ nhất được đảm bảo bởi quyền sử dụng đất, công trình trên đất, bất động sản, trang thiết bị y tế của Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec tại số 458, phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Khoản vay thứ hai được đảm bảo bởi quyền sử dụng đất, quyền tài sản gắn liền với các động sản, bất động sản, các quyền, lợi ích khác liên quan đến dự án Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Nha Trang và cam kết bảo lãnh của một công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

25.2 Vay và nợ dài hạn (tiếp theo)

25.2.1 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

(ii) Vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa

Khoản vay này có tài sản thế chấp bao gồm 19.502.210 cổ phiếu của Công ty sở hữu bởi Công ty Vinpearl và 10.103.098 cổ phiếu của Công ty sở hữu bởi Công ty Vinpearl Hội An (Thuyết minh số 28.5).

(iii) Vay từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Khoản vay thứ nhất được bảo đảm bởi tất cả các quyền sử dụng tài sản, lợi ích, khoản bồi thường và các khoản thanh toán khác liên quan đến Dự án Vinhomes Central Park ở thời điểm hiện tại và tương lai, ngoại trừ những tài sản đảm bảo được trình bày tại Thuyết minh số 25.2.1- (iv).

Khoản vay thứ hai có tài sản đảm bảo là toàn bộ công trình thuộc Dự án Vinhomes Riverside do Công ty Sài Đồng, một công ty con, làm chủ đầu tư, bao gồm cả các công trình nâng cấp và các bất động sản khác được xây dựng trong hiện tại và tương lai, ngoại trừ khu biệt thự, trung tâm thương mại, trường học và một số hạng mục tài sản khác thuộc dự án; Quyền sử dụng đất đối với khoảng 145 hecta đất thuộc Dự án Vinhomes Riverside nhưng không bao gồm khu E3, E6, G1, G2 và một phần khu G3; Toàn bộ phần động sản hình thành bằng chi phí của dự án; Tất cả các quyền tài sản, lợi ích, các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác liên quan đến Dự án Vinhomes Riverside thời điểm hiện tại và tương lai; 25.281.780 cổ phiếu của Công ty sở hữu bởi một công ty con (Thuyết minh số 28.5); Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại địa chỉ số 7 Trần Phú, thành phố Nha Trang, Khánh Hòa; và quyền phát sinh từ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật giữa Công ty Sài Đồng và một số chủ đầu tư thứ cấp.

Khoản vay thứ ba có tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất tại số 4A đường Hoàng Việt, phường 04, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh; và quyền tài sản phát sinh từ một hợp đồng hợp tác kinh doanh được ký kết giữa Công ty An Phong và Công ty TNHH MTV Đông Hải.

Khoản vay thứ tư có tài sản đảm bảo là một số quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, và một số máy móc thiết bị hình thành thuộc dự án Trung tâm thương mại Maximark Phan Rang của Công ty An Phong.

(iv) Vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Khoản vay thứ nhất có tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với khu đất của hợp phần Dự án Khu phức hợp Tân Cảng Sài Gòn ("Dự án Vinhomes Central Park"); Các tòa nhà được xây dựng trên khu đất của hợp phần Dự án Vinhomes Central Park bao gồm Khu B5.1-3, B5.2 cùng với một số tài sản khác được xây dựng trên khu đất của dự án này; Các tòa nhà không bao gồm cấu phần khu căn hộ thuộc khu B5.1-1, B5.1-2, B5.1-3, B5.1-5, B5.1-6 và B5.3 được xây dựng gắn liền với khu đất của hợp phần Dự án cùng với một số tài sản khác được xây dựng trên khu đất của dự án này; Tất cả các quyền, lợi ích, các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác đã hoặc sẽ nhận được để thay thế cho, thuộc về hoặc liên quan đến các quyền và tài sản được đề cập ở trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

25.2 Vay và nợ dài hạn (tiếp theo)

25.2.1 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

(iv) Vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (tiếp theo)

Khoản vay thứ hai có tài sản thế chấp là các quyền, quyền sở hữu và lợi ích của một chủ sở hữu từ phần vốn điều lệ sở hữu trong Công ty Vinpearl Phú Quốc; Bất kỳ khoản cổ tức nào được công bố bởi Công ty Vinpearl Phú Quốc chưa được trả cho một chủ sở hữu; Các công trình xây dựng thuộc Giai đoạn 1 của dự án Vinpearl Phú Quốc nhưng không bao gồm cấu phần biệt thự; Tài sản thế chấp cho Hợp đồng 01/2010/HĐTC/VCB-VPLDN (“Hợp đồng gốc”) ký vào ngày 6 tháng 9 năm 2010 và phụ lục hợp đồng PL01-01/2014/HĐTC/VCB.HGM-VPLDN sau khi đã giải chấp khỏi các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng gốc; Các hợp đồng kinh tế liên quan đến dự án Giai đoạn 1 Vinpearl Phú Quốc Giai đoạn 1 được thế chấp cùng với toàn bộ các khoản phải thu và quyền hợp đồng phát sinh từ các hợp đồng đó; Toàn bộ tiền thuê và các khoản phí khác khách hàng hoặc các bên sử dụng các dịch vụ tại các hạng mục của Dự án Giai đoạn 1 phải trả; Các hợp đồng bảo hiểm và tiền thu được từ các hợp đồng bảo hiểm; Các tài khoản ngân hàng và toàn bộ số dư trên các tài khoản ngân hàng đó; Tất cả các chấp thuận được ban hành hiện tại hoặc trong tương lai cho hoặc vì lợi ích của Công ty Vinpearl Phú Quốc; Máy móc thiết bị sở hữu bởi Công ty Vinpearl Phú Quốc; Quyền sở hữu trí tuệ, và tất cả các tài sản vô hình khác của Công ty Vinpearl Phú Quốc không thuộc về Quyền sở hữu trí tuệ.

Khoản vay thứ ba có tài sản thế chấp là máy móc thiết bị gắn liền với dự án đầu tư Khu khách sạn nghỉ dưỡng biển cao cấp Vinpearl Hạ Long; Quyền thụ hưởng bảo hiểm và số tiền nhận được theo các hợp đồng bảo hiểm khu khách sạn nghỉ dưỡng biển cao cấp Vinpearl Hạ Long; và cam kết bảo lãnh thanh toán của Công ty.

Khoản vay thứ tư có tài sản thế chấp là các máy móc thiết bị dùng cho hoạt động kinh doanh thuộc sở hữu của siêu thị Maximark Quận 2 và toàn bộ tài sản gắn liền với dự án căn hộ HomyLand 2 của Công ty An Phong.

(v) Vay từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín

Khoản vay này có tài sản thế chấp bao gồm quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng mua bán 103 căn biệt thự tại khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside sở hữu bởi Công ty Vinhomes 1 và các văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán biệt thự.

(vi) Khoản vay chuyển đổi với Credit Suisse AG, Chi nhánh Singapore (“Credit Suisse”) và WP Investments III B.V. (“Warburg Pincus”)

Đây là các khoản vay từ Credit Suisse và Warburg Pincus theo các Thỏa thuận vay chuyển đổi giữa Công ty Vincom Retail, công ty con, với hai đối tác này ký trong năm 2013 và 2014 với giá trị lần lượt là 15 triệu đô la Mỹ và 5 triệu đô la Mỹ, tương đương với 338.825.000.000 VND và 111.275.000.000 VND (chưa trừ chi phí đi vay phát sinh). Các khoản vay chuyển đổi này chịu lãi suất 8,75%/năm và có thể chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ sang cổ phần ưu đãi của Công ty Vincom Retail sau 3 tháng bắt đầu kể từ thời điểm sớm hơn giữa (i) ngày hoàn tất cuối cùng của giao dịch phát hành cổ phần ưu đãi bởi Công ty Vincom Retail cho Credit Suisse và Warburg Pincus; và (ii) ngày 31 tháng 3 năm 2014. Đến ngày 31 tháng 3 năm 2016, khoản vay này chưa được chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi của Công ty Vincom Retail.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

25.2 Vay dài hạn (tiếp theo)

25.2.2 Trái phiếu doanh nghiệp

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Trái phiếu trong nước (a)	22.684.702.842.031	17.947.487.676.853
Trái phiếu quốc tế (b)	4.312.986.463.982	4.339.680.950.303
TỔNG CỘNG	<u>26.997.689.306.013</u>	<u>22.287.168.627.156</u>

(a) Trái phiếu phát hành trong nước

		<i>Đơn vị tính: VND</i>		
<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Kỳ hạn</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Tài sản đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	2.789.237.499.999	3 năm	Lãi suất huy động tiết kiệm trung bình kỳ hạn 12 tháng trả sau bằng VND (+) biên độ 3%	(i)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	983.703.382.135	5 năm	Lãi suất huy động tiết kiệm trung bình kỳ hạn 12 tháng trả sau bằng VND (+) biên độ 5,5%/năm	(ii)
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	14.720.030.159.186	Từ 2 năm đến 10 năm	Lãi suất huy động tiết kiệm trung bình kỳ hạn 12 tháng trả sau bằng VND (+) biên độ 4% đến 5%/năm và lãi suất 7,75%/năm	(iii)
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	4.191.731.800.711	5 năm	Lãi suất huy động tiết kiệm trung bình kỳ hạn 6 tháng trả sau bằng VND (+) biên độ 4%/năm và lãi suất 8,5%	(iv)
TỔNG CỘNG	<u>22.684.702.842.031</u>			

(i) Trái phiếu từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam

Loại trái phiếu này có tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với đất là một phần Trung Tâm thương mại (bao gồm một phần tầng hầm) tại tháp A, tháp B, tháp C của Dự án Vincom Bà Triệu và toàn bộ các công trình xây dựng, tài sản gắn liền với đất của công trình Trung tâm thương mại Vincom Center Long Biên thuộc sở hữu của Công ty Vincom Retail Miền Bắc, một công ty con.

(ii) Trái phiếu từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Loại trái phiếu này được đảm bảo bằng: một phần tài sản gắn liền với đất khu TTTM Vincom Mega Mall Royal City, bao gồm cả khu tầng hầm; Tài khoản doanh thu của Công ty VMM Royal City và toàn bộ thu nhập và lợi ích phát sinh từ việc khai thác và sử dụng các tài sản trên đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

25.2 Vay dài hạn (tiếp theo)

25.2.2 Trái phiếu doanh nghiệp (tiếp theo)

(a) *Trái phiếu phát hành trong nước (tiếp theo)*

(iii) *Trái phiếu từ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam*

Loại trái phiếu thứ nhất có tài sản đảm bảo bao gồm khu Trung tâm thương mại và bãi đậu xe ngầm của Tòa nhà Vincom Đồng Khởi, cùng với 11.322.000 cổ phiếu của Công ty sở hữu bởi Công ty Vinpearl, công ty con (Thuyết minh số 28.5);

Loại trái phiếu thứ hai có tài sản đảm bảo là bất động sản, động sản và quyền phát sinh từ: (*) Thửa đất số 00 tại Ô CC-1 và CC-2 (Phân khu KT-A) Khu du lịch sinh thái An Viên, phường Vĩnh Nguyên và phường Vĩnh Trường, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa với tổng diện tích là 3.997 m²; (**) thửa đất số 01, tờ bản đồ số 673/2011/TĐ.BĐ, thửa đất số 01 (Khu C, D, E, F, G), tờ bản đồ số 1702/2015SĐĐ, thửa đất số 01 (Khu B), tờ bản đồ số 1703/2015SĐĐ tại đảo Hòn Tre, phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, có tổng diện tích là 1.603.910 m²; (***) toàn bộ bất động sản gắn liền trên các khu đất thuộc Dự án VAP và dự án khách sạn 5 sao (kể cả các thửa đất thế chấp) ngoại trừ đất thuộc riêng Vinpearl Luxury Nha Trang và khu biệt thự có địa chỉ tại đảo Hòn Tre, phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; và (****) tất cả quyền tài sản (ngoại trừ các quyền đối với Vinpearl Luxury Nha Trang và khu biệt thự), và tất cả quyền, lợi ích, các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác nhận được hoặc sẽ nhận được để thay thế cho các nghĩa vụ, quyền tài sản nêu trên của các công ty con;

Loại trái phiếu thứ ba được đảm bảo bằng nghĩa vụ bảo lãnh của một công ty con.

Loại trái phiếu thứ tư được bảo lãnh bởi một Quỹ tín thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á ("CGIF"). Theo các điều khoản của Hợp đồng thế chấp cổ phần giữa Công ty, một số công ty con và CGIF ngày 5 tháng 2 năm 2016, 111 triệu cổ phần phổ thông của Công ty Vincom Retail và 90 triệu cổ phần phổ thông của Công ty Tân Liên Phát đang được sở hữu bởi Công ty, và 135 triệu cổ phiếu phổ thông của Công ty Vincommerce đang được sở hữu bởi Công ty Tân Liên Phát được dùng làm tài sản đảm bảo để CGIF thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh không huỷ ngang cho việc Công ty thực hiện các nghĩa vụ của mình theo các văn bản giao dịch liên quan đến khoản trái phiếu này.

(iv) *Trái phiếu từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam*

Loại trái phiếu thứ nhất được thế chấp bằng tài sản là Quyền sử dụng đất của toàn bộ dự án Vinpearl Nha Trang Bay Resort & Villas và Vinpearl Premium Land (trừ quyền sử dụng đất đối với khu biệt thự thuộc hai dự án này), toàn bộ động sản là máy móc, thiết bị của khách sạn Vinpearl Resort & Villas Nha Trang Bay, và cam kết bảo lãnh của Công ty.

Loại trái phiếu thứ hai được bảo lãnh bởi một Quỹ tín thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á ("CGIF"). Theo các điều khoản của Hợp đồng thế chấp cổ phần giữa Công ty, một số công ty con và CGIF ngày 5 tháng 2 năm 2016, 111 triệu cổ phần phổ thông của Công ty Vincom Retail và 90 triệu cổ phần phổ thông của Công ty Tân Liên Phát đang được sở hữu bởi Công ty, và 135 triệu cổ phiếu phổ thông của Công ty Vincommerce đang được sở hữu bởi Công ty Tân Liên Phát được dùng làm tài sản đảm bảo để CGIF thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh không huỷ ngang cho việc Công ty thực hiện các nghĩa vụ của mình theo các văn bản giao dịch liên quan đến khoản trái phiếu này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

25.2 Vay dài hạn (tiếp theo)

25.2.2 Trái phiếu doanh nghiệp (tiếp theo)

(b) Trái phiếu quốc tế

Trái phiếu quốc tế có giá trị theo mệnh giá là 200 triệu đô la Mỹ được phát hành trong tháng 11 năm 2013, với thời hạn 4,5 năm. Trái phiếu này không cần tài sản đảm bảo và có lãi suất cố định 11,625%/năm, lãi được trả 2 lần/năm.

Tập đoàn phát hành các trái phiếu này nhằm đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động cũng như nhu cầu vốn đầu tư các dự án phát triển bất động sản và các dự án khác.

26. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Dự phòng chi phí bảo hành	116.637.216.492	120.697.938.748
TỔNG CỘNG	116.637.216.492	120.697.938.748

Dự phòng chi phí bảo hành

Dựa trên tình hình căn hộ và biệt thự đã bán cần sửa chữa trong quá khứ, Tập đoàn đã ghi nhận một khoản dự phòng cho chi phí bảo hành có thể phát sinh liên quan đến các căn hộ và biệt thự của Tập đoàn được bán ra trong những năm qua.

27. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

Trái phiếu chuyển đổi có giá trị là 300 triệu đô la Mỹ được phát hành trong tháng 4 và tháng 7 năm 2012, với thời hạn 5 năm. Trái phiếu này không được đảm bảo và có lãi suất cố định 5%/năm.

Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng không có yếu tố công cụ vốn trong trái phiếu nêu trên (do không thể xác định được chắc chắn số lượng cổ phiếu phổ thông có thể được chuyển đổi) và đã ghi nhận toàn bộ các khoản trái phiếu này là nợ phải trả tài chính.

Theo điều khoản của trái phiếu chuyển đổi này, các trái chủ có quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần phổ thông của Công ty theo mức giá có thể được điều chỉnh vào ngày 3 tháng 10 hàng năm, bắt đầu từ ngày 3 tháng 10 năm 2012 cho tới ngày 3 tháng 10 năm 2016. Trong kỳ, các trái chủ đã hoàn tất chuyển đổi toàn bộ số dư còn lại thành cổ phiếu phổ thông của Công ty.

	<i>Đơn vị tính: USD</i>				
	<i>Thay đổi trong kỳ</i>				
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Phát hành thêm</i>	<i>Đã chuyển thành cổ phiếu</i>	<i>Đã đáo hạn không được chuyển thành cổ phiếu</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>
Giá trị	106.300.000	-	(106.300.000)	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

27. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015</i>
Giá trị trái phiếu chuyển đổi ban đầu sau khi trừ đi chi phí phát hành	5.939.186.943.335	5.939.186.943.335
Cơ cấu vốn chủ sở hữu	-	-
Cơ cấu nợ gốc ghi nhận ban đầu	<u>5.939.186.943.335</u>	<u>5.939.186.943.335</u>
Cộng: Giá trị phân bổ lũy kế chi phí phát hành		
Số đầu kỳ	295.037.817.247	162.522.147.579
Số phân bổ tăng trong kỳ	<u>13.600.239.418</u>	<u>16.188.887.148</u>
Số cuối kỳ	<u>308.638.056.665</u>	<u>178.711.034.727</u>
Trừ: Chuyển đổi lũy kế đến cuối kỳ	(6.270.000.000.000)	(2.859.120.000.000)
Cộng: Lỗ chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi	22.175.000.000	10.111.800.000
Cộng: Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	-	<u>123.039.200.000</u>
Cơ cấu nợ gốc tại ngày cuối kỳ	<u>-</u>	<u>3.391.928.978.062</u>

Trong kỳ, các trái chủ đã chuyển đổi các trái phiếu với tổng mệnh giá là 106.300.000 đô la Mỹ thành 71.666.764 cổ phiếu phổ thông của Công ty theo giá phát hành là 31.000 VND/cổ phiếu. Việc chuyển đổi này làm tăng vốn cổ phần đã phát hành của Công ty thêm 716.667.640.000 VND và tăng thặng dư vốn cổ phần thêm 1.485.854.312.538 VND.

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

28. VỐN CHỦ SỞ HỮU

28.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn có phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát (i)	Tổng cộng
<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015</i>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	14.545.550.980.000	4.582.534.150.067	(2.974.924.074.484)	22.845.114.930	4.220.035.125.587	7.066.647.379.677	27.462.688.675.777
- Lợi nhuận thuần/(lỗ) trong kỳ	-	-	-	-	427.940.707.867	(70.544.980.106)	357.395.727.761
- Chuyển nhượng một phần sở hữu trong công ty con	-	-	-	-	4.040.440.290	153.495.156.233	157.535.596.523
- Góp vốn từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	147.500.000.000	147.500.000.000
- Tăng lợi ích của cổ đông không kiểm soát do đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-	30.666.672.000	30.666.672.000
- Cổ tức chia cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(27.890.625.000)	(27.890.625.000)
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2015	14.545.550.980.000	4.582.534.150.067	(2.974.924.074.484)	22.845.114.930	4.652.016.273.744	7.299.873.602.804	28.127.896.047.061
<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 (trình bày lại)	18.661.880.870.000	5.798.727.464.308	(2.974.924.074.484)	27.845.114.930	1.571.190.449.441	14.481.189.951.636	37.585.909.775.831
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	778.650.899.732	510.824.879.344	1.289.475.779.076
- Chuyển đổi trái phiếu (Thuyết minh số 27)	716.667.640.000	1.485.854.312.538	-	-	-	-	2.202.521.952.538
- Góp vốn từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	446.280.000.000	446.280.000.000
- Mua công ty con mới	-	-	-	-	-	(13.145.284.669)	(13.145.284.669)
- Mua thêm một phần lợi ích trong công ty con	-	-	-	-	(319.675.660.005)	241.832.566.005	(77.843.094.000)
- Chuyển nhượng một phần lợi ích trong công ty con không mất kiểm soát	-	21.088.438.830	-	-	117.626.094.036	(167.513.631.925)	(28.799.099.059)
- Cổ tức chia cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(425.116.440.184)	(425.116.440.184)
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2016	19.398.548.510.000	7.305.670.215.676	(2.974.924.074.484)	27.845.114.930	2.147.791.783.204	15.074.352.040.207	40.979.283.589.533

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

28. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

28.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(i) Một phần Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 bao gồm:

- ▶ Khoản góp vốn trị giá 5.925 tỷ VND (tương đương 279 triệu USD) từ Warburg Pincus và Credit Suisse vào Công ty Vincom Retail, công ty con, theo các thỏa thuận ký giữa Công ty, Công ty Vincom Retail và một số công ty khác trong Tập đoàn với Warburg Pincus và Credit Suisse vào các ngày 28 tháng 5 năm 2013 và ngày 12 tháng 7 năm 2013 cùng với các sửa đổi sau đó. Trong đó, phần góp vốn trong năm 2015 là 2.152 tỷ VND (tương đương 99 triệu USD). Công ty Vincom Retail đã phát hành các cổ phần ưu đãi và cổ phần phổ thông cho Warburg Pincus và Credit Suisse. Cổ phần ưu đãi phát hành bởi Công ty Vincom Retail là cổ phần ưu đãi cổ tức, có quyền hoán đổi sang cổ phần phổ thông của Công ty Vincom Retail, công ty con và hưởng một số quyền ưu đãi khác.

Theo các điều khoản của Hợp đồng thế chấp vốn góp ký giữa Công ty Vincom Retail, Warburg Pincus và Credit Suisse ngày 12 tháng 7 năm 2013 và các sửa đổi sau đó liên quan đến việc phát hành cổ phần ưu đãi của Công ty Vincom Retail và khoản vay chuyển đổi như được trình bày tại Thuyết minh số 25.2.1, toàn bộ cổ phần vốn góp của Công ty Vincom Retail trong Công ty TNHH Vincom Center Bà Triệu, Công ty TNHH MTV Vincom Center B Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Bất động sản Hải Phòng và 50% cổ phần vốn góp trong Công ty TNHH Vincom Mega Mall Times City đang được dùng làm tài sản đảm bảo để bảo lãnh không hủy ngang cho việc Công ty thực hiện các nghĩa vụ của mình theo các văn bản giao dịch và việc các sáng lập viên và Công ty thực hiện các nghĩa vụ của mình liên quan đến quyền chọn bán cho các sáng lập viên, được ký kết với Warburg Pincus và Credit Suisse. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Tập đoàn đang trong quá trình trao đổi với Warburg Pincus và Credit Suisse để thay thế tài sản đảm bảo cho các nghĩa vụ trên bằng toàn bộ phần vốn góp của Công ty Vincom Retail trong Công ty Vincom Retail Miền Bắc do các công ty nêu trên đã sáp nhập vào Công ty Vincom Retail Miền Bắc.

- ▶ Khoản góp vốn trị giá 3.235 tỷ VND từ Công ty TNHH Đầu tư Continental Pacific ("Công ty Continental Pacific") vào Công ty Vinmec, công ty con, theo các thỏa thuận ký giữa Công ty Vinmec và một số công ty khác với Công ty Continental Pacific vào ngày 10 tháng 12 năm 2015. Công ty Vinmec đã phát hành các cổ phần ưu đãi và cổ phần phổ thông cho Công ty Continental Pacific. Cổ phần ưu đãi phát hành bởi Công ty Vinmec là cổ phần ưu đãi cổ tức và hưởng một số quyền ưu đãi. Theo các điều khoản của Hợp đồng thế chấp vốn góp ký giữa Công ty Hoàng Gia, công ty con, và Công ty Continental Pacific ngày 10 tháng 12 năm 2015 liên quan đến việc phát hành cổ phần ưu đãi của Công ty Vinmec, toàn bộ cổ phần vốn góp của Công ty Hoàng Gia trong Công ty Vincom Retail đang được dùng làm tài sản đảm bảo để bảo lãnh cho việc Công ty Vinmec thực hiện các nghĩa vụ của mình theo các văn bản giao dịch và việc các sáng lập viên và một công ty đối tác khác thực hiện các nghĩa vụ của mình liên quan đến quyền chọn bán cho các sáng lập viên và công ty đối tác được ký kết với Công ty Continental Pacific.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

28. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

28.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015</i>
Vốn đã góp		
Số đầu kỳ	18.681.880.870.000	14.545.550.980.000
Tăng vốn trong kỳ	716.667.640.000	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	<u>19.398.548.510.000</u>	<u>14.545.550.980.000</u>

28.3 Cổ tức cho cổ đông của Công ty

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015</i>
Cổ tức đã công bố và đã trả trong kỳ	-	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận vào nợ phải trả	-	-
<i>Cổ tức trả bằng tiền trên cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ tức trả bằng cổ phiếu trên cổ phiếu phổ thông (năm 2016: 1.100 VND/cổ phiếu; năm 2015: 1.180 VND/cổ phiếu)</i>	2.133.840.340.000	1.721.335.101.000

28.4 Cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi

	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.939.854.851	1.868.188.087
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.939.854.851	1.868.188.087
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.939.854.851	1.868.188.087
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.806.823.619	1.735.156.855
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.806.823.619	1.735.156.855
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	133.031.232	133.031.232
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	133.031.232	133.031.232
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2015: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

28. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

28.5 Cổ phiếu quỹ

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, số lượng cổ phiếu của Công ty do các công ty con của Tập đoàn nắm như sau:

- ▶ Công ty Vinpearl nắm giữ 66.217.327 cổ phiếu, trong đó 19.502.210 cổ phiếu đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay của Công ty Vinpearlland, một công ty con (Thuyết minh số 25.2.1) và 11.322.000 cổ phiếu đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ phải trả cho khoản trái phiếu được trình bày tại Thuyết minh số 25.2.2.
- ▶ Công ty Hoàng Gia, một công ty con, nắm 44.439.583 cổ phiếu; trong đó 25.281.780 cổ phiếu đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam của Công ty Sài Đồng, một công ty con (Thuyết minh số 25.2.1) và 3.045.214 cổ phiếu đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam của Công ty (Thuyết minh số 25.1.1).
- ▶ Công ty Vinpearl Hội An, một công ty con, nắm 13.642.392 cổ phiếu, trong đó 10.103.098 cổ phiếu đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngân hàng của Công ty Vinpearlland (Thuyết minh số 25.2.1).
- ▶ Công ty Xavinco, một công ty con, nắm 8.731.930 cổ phiếu; trong đó 3.015.104 cổ phiếu đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam của Công ty (Thuyết minh số 25.1.1) và 777.896 cổ phiếu đang ký quỹ tại ngân hàng cho mục đích làm tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ theo các hợp đồng tín dụng trong tương lai của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

29. DOANH THU

29.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015 (Trình bày lại)
Tổng doanh thu	14.739.597.318.159	6.311.326.876.972
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu chuyển nhượng bất động sản</i>	10.388.725.427.771	4.271.089.351.108
<i>Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và cung cấp các dịch vụ liên quan</i>	816.120.451.503	534.176.611.698
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ khách sạn, du lịch, vui chơi giải trí và các dịch vụ liên quan</i>	1.001.543.075.730	642.702.452.776
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ bệnh viện và các dịch vụ liên quan</i>	220.496.531.562	152.196.439.737
<i>Doanh thu bán hàng tại siêu thị, cửa hàng tiện ích và các cửa hàng bán lẻ khác</i>	1.894.787.776.059	473.202.753.681
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ giáo dục và các dịch vụ liên quan</i>	173.073.968.945	118.645.573.763
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ xây dựng và các dịch vụ liên quan</i>	68.426.175.647	13.300.970.785
<i>Doanh thu khác</i>	176.423.910.942	106.012.723.424
Các khoản giảm trừ doanh thu	(2.741.547.460)	(4.138.290.231)
Doanh thu thuần	14.736.855.770.699	6.307.188.586.741
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu chuyển nhượng bất động sản</i>	10.388.725.427.771	4.271.089.351.108
<i>Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và cung cấp các dịch vụ liên quan</i>	816.120.451.503	534.176.611.698
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ khách sạn, du lịch, vui chơi giải trí và các dịch vụ liên quan</i>	1.001.543.075.730	642.308.945.033
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ bệnh viện và các dịch vụ liên quan</i>	220.496.531.562	152.196.439.737
<i>Doanh thu bán hàng tại siêu thị, cửa hàng tiện ích và các cửa hàng bán lẻ khác</i>	1.892.046.228.599	469.457.971.193
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ giáo dục và các dịch vụ liên quan</i>	173.073.968.945	118.645.573.763
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ xây dựng và các dịch vụ liên quan</i>	68.426.175.647	13.300.970.785
<i>Doanh thu khác</i>	176.423.910.942	106.012.723.424
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	14.728.091.671.972	6.303.355.306.741
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>	8.764.098.727	3.833.280.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

29. DOANH THU (tiếp theo)

29.2 Doanh thu và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015</i>
Thu nhập cho thuê bất động sản đầu tư	816.120.451.503	534.176.611.698
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong kỳ	397.484.772.314	215.270.213.204
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư không tạo thu nhập cho thuê trong kỳ	-	-
Thu nhập chuyển nhượng bất động sản đầu tư	-	-

29.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015</i>
Lãi tiền gửi, cho vay và các khoản đặt cọc	317.925.965.118	280.961.246.346
Lãi chênh lệch tỷ giá	223.749.270.817	455.802.715
Thu nhập từ cổ tức	3.490.271.420	650.000.000
Thu nhập tài chính khác	3.473.485.090	975.648.175
TỔNG CỘNG	<u>548.638.992.445</u>	<u>283.042.697.236</u>

30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015</i>
Giá vốn bất động sản chuyển nhượng	6.416.819.134.528	2.649.377.061.462
Chi phí cho thuê bất động sản đầu tư và cung cấp các dịch vụ liên quan	397.484.772.314	215.270.213.204
Giá vốn cung cấp dịch vụ khách sạn, du lịch, vui chơi giải trí và các dịch vụ liên quan	1.056.748.063.654	502.998.813.840
Giá vốn cung cấp dịch vụ bệnh viện và các dịch vụ liên quan	161.530.608.428	116.819.628.194
Giá vốn bán hàng siêu thị, cửa hàng tiện ích và các cửa hàng bán lẻ khác	1.603.110.259.327	421.928.714.793
Giá vốn cung cấp dịch vụ giáo dục và các dịch vụ liên quan	109.466.917.296	71.318.529.138
Giá vốn cung cấp dịch vụ xây dựng và các dịch vụ liên quan	65.764.069.786	5.247.279.101
Giá vốn khác	147.433.039.349	81.012.764.603
TỔNG CỘNG	<u>9.958.356.864.682</u>	<u>4.063.973.004.335</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015</i>
Chi phí lãi vay	740.132.988.553	540.805.067.179
Chi phí huy động các khoản vay và phát hành trái phiếu phân bổ trong kỳ	35.478.582.232	57.976.666.403
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.415.433.423	112.452.173.011
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	87.167.222.734	(19.438.248.600)
Chi phí tài chính khác	21.391.517.033	49.909.703.913
TỔNG CỘNG	<u>886.585.743.975</u>	<u>741.705.361.906</u>

32. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015</i>
Thu nhập khác	55.929.917.069	51.592.089.466
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	2.387.494.158	9.796.311.509
Tiền phạt thu được	41.849.550.492	18.725.513.715
Thu nhập khác	11.692.872.419	23.070.264.242
Chi phí khác	171.331.231.935	157.925.569.413
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	20.709.493.576	12.329.264.217
Các khoản phạt	148.478.767.047	118.169.935.679
Chi phí khác	2.142.971.312	27.426.369.517
LỖ KHÁC	<u>(115.401.314.866)</u>	<u>(106.333.479.947)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con trong Tập đoàn trong kỳ là 20% lợi nhuận chịu thuế, ngoại trừ các trường hợp sau đây:

- ▶ Công ty Vinpearl Nha Trang, Công ty Vinpearl Phú Quốc, Công ty Vinpearlland (chi nhánh tại Nha Trang và Phú Quốc) áp dụng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 5% đối với các hoạt động cung cấp dịch vụ khách sạn, du lịch và dịch vụ khác không phải hoạt động chuyển nhượng bất động sản;
- ▶ Công ty Vinmec áp dụng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10%;
- ▶ Công ty VinEco áp dụng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 15%;
- ▶ Công ty Du Lịch Phú Quốc, Công ty VinEco Tam Đảo và Công ty Vinschool đang trong thời kỳ miễn thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

33.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(894.501.586.753)	(344.265.677.051)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	18.747.475.719	9.919.440.474
TỔNG CỘNG	<u>(875.754.111.034)</u>	<u>(334.346.236.577)</u>

33.2 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Bảng đối chiếu lợi nhuận kế toán của Tập đoàn với lợi nhuận chịu thuế được trình bày dưới đây:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015</i>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.165.229.890.110	691.741.964.338
Lợi nhuận điều chỉnh chưa trừ chuyển lỗ và trước thuế	3.848.727.659.688	1.000.210.153.894
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ này	4.281.695.840.564	1.583.028.997.351
Chi phí thuế TNDN ước tính trong kỳ	894.501.586.753	344.265.677.051
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ (Thuyết minh số 21)	<u>855.457.942.057</u>	<u>300.117.333.434</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016 VND</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Việt Nam	Cùng chủ sở hữu	Phí dịch vụ bảo vệ phải thu	3.549.053.908
		Phí dịch vụ bảo vệ đã thu	(4.133.402.000)
		Chi phí thuê văn phòng và ăn ca phải trả	(13.521.142.834)
		Chi phí thuê văn phòng và ăn ca đã trả	14.034.788.890
		Phí dịch vụ quản lý phải thu	1.924.648.923
		Phí dịch vụ quản lý đã thu	(2.640.000.000)
Công ty BĐS Thăng Long	Công ty liên kết	Lãi vay phải thu	931.918.903
Công ty Ngọc Viễn Đông	Công ty liên kết	Lãi vay phải trả	(7.022.886.112)
Công ty Thời Trang M.Y.M	Công ty liên kết	Phí dịch vụ phải thu	893.888.795
		Chi phí mua hàng phải trả	(4.365.324.902)
Quý Thiện Tâm	Tổ chức cùng chủ sở hữu	Chi phí tài trợ	(26.678.486.895)
		Số tiền tài trợ đã chuyển	24.000.000.000
		Phí khám chữa bệnh Vinmec phải thu	2.396.507.101
		Phí khám chữa bệnh Vinmec đã thu	(1.811.356.818)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Trong kỳ, Tập đoàn đã cung cấp các khoản vay cho các bên liên quan với lãi suất 7%/năm và nhận các khoản vay từ các bên liên quan với lãi suất 7%/năm. Các khoản cho vay/vay này không có tài sản đảm bảo và được thanh toán bằng tiền hoặc cán trừ công nợ.

Trong kỳ, Tập đoàn cung cấp và sử dụng dịch vụ từ các bên liên quan theo mức giá bán cho bên thứ ba.

Trong kỳ, Tập đoàn không trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu từ các bên liên quan (ngày 31 tháng 12 năm 2015: không). Việc đánh giá này được thực hiện hàng kỳ thông qua việc xem xét khả năng tài chính và thị trường hoạt động của các bên liên quan.

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016 VND</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7.1)			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Việt Nam	Cùng chủ sở hữu	Phải thu cung cấp dịch vụ xây dựng	763.922.297
		Phải thu cung cấp dịch vụ bảo vệ	121.982.524
Quý Thiện Tâm	Tổ chức cùng chủ sở hữu	Phải thu cung cấp dịch vụ y tế	1.695.110.300
		Phải thu cung cấp dịch vụ xây dựng	81.841.498.638
Công ty Cổ phần Thời Trang M.Y.M	Công ty liên kết	Phải thu cung cấp dịch vụ bảo vệ	3.150.804.064
			<u>87.573.317.823</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i> VND
Phải thu khác (Thuyết minh số 9)			
Công ty BĐS Thăng Long	Công ty liên kết	Lãi vay phải thu	4.943.361.327
			<u>4.943.361.327</u>
Phải thu về cho vay (Thuyết minh số 8)			
Công ty BĐS Thăng Long	Công ty liên kết	Phải thu về cho vay	55.204.181.818
Công ty Sen Việt Công Thương	Công ty con	Phải thu từ cho vay	100.000.000
			<u>55.304.181.818</u>
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 25)			
Công ty Ngọc Viễn Đông	Công ty liên kết	Vay ngắn hạn	361.700.000.000
			<u>361.700.000.000</u>
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 22)			
Công ty Ngọc Viễn Đông	Công ty liên kết	Lãi vay phải trả	12.048.186.112
			<u>12.048.186.112</u>

Chi tiết các khoản cho vay và lãi suất với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Tài sản đảm bảo</i>	<i>Số dư cho vay</i> VND
Phải thu về cho vay (Thuyết minh số 8)					
Công ty BĐS Thăng Long	Công ty liên kết	7%/năm	Ngày 2 tháng 12 năm 2016	Không	55.204.181.818
Công ty Sen Việt Công Thương	Công ty con	7%/năm	Ngày 6 tháng 7 năm 2016	Không	100.000.000
					<u>55.304.181.818</u>

Chi tiết các khoản đi vay và lãi suất với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Tài sản đảm bảo</i>	<i>Số dư cho vay</i> VND
Vay và nợ ngắn hạn (Thuyết minh số 25.1)					
Công ty Ngọc Viễn Đông	Công ty liên kết	7%/năm	Ngày 5 tháng 5 năm 2016	Không	361.700.000.000
					<u>361.700.000.000</u>

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc của Công ty:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>
	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015</i>
Lương và thưởng	6.700.510.467
TỔNG CỘNG	<u><u>6.700.510.467</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015 (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	778.650.899.732	427.940.707.867
Lợi nhuận thuần sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	778.650.899.732	427.940.707.867
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.775.036.146	1.346.971.012
Ảnh hưởng của cổ phiếu thưởng phát hành trong tháng 4 năm 2016	180.682.362	180.682.362
Ảnh hưởng của cổ phiếu thưởng phát hành trong tháng 7 năm 2015	-	349.080.904
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.955.718.508	1.876.734.278
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	398	228
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	398	228

Cổ phiếu ưu đãi và các khoản vay chuyển đổi phát hành bởi Công ty Vincom Retail, công ty con, có thể có tác động suy giảm lãi cơ bản trên cổ phiếu trong tương lai nhưng chưa được đưa vào tính lãi suy giảm trên cổ phiếu ở trên vì các công cụ này có tác động suy giảm ngược cho kỳ hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

36. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Các cam kết liên quan đến các hoạt động đầu tư xây dựng

Tập đoàn đã ký kết các hợp đồng liên quan đến việc triển khai các dự án bất động sản của Tập đoàn. Tổng số vốn cam kết theo những hợp đồng này tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 ước tính là 19.460 tỷ VND, trong đó cam kết trả tiền sử dụng đất là 786 tỷ VND.

Các cam kết liên quan đến các hợp đồng thuê hoạt động mà Tập đoàn là bên cho thuê

Tập đoàn, là bên cho thuê, cho thuê văn phòng, quầy hàng và không gian đa chức năng theo thỏa thuận cho thuê. Số tiền thuê tối thiểu theo các thỏa thuận này vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Đến 1 năm	1.628.439.147.020	1.550.500.448.342
Trên 1 đến 5 năm	2.966.595.305.756	2.605.382.920.856
Trên 5 năm	1.947.446.662.347	1.770.642.136.912
TỔNG CỘNG	<u>6.542.481.115.123</u>	<u>5.926.525.506.110</u>

Ngoài ra, theo các Hợp đồng hợp tác kinh doanh ký trong tháng 2 năm 2012 giữa các công ty trong Tập đoàn và Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Hương ("Công ty Thiên Hương") về việc khai thác cấu phần trường học thuộc Dự án khu đô thị Vinhomes Riverside và Dự án Vinhomes Royal City, Tập đoàn sẽ được nhận phần chia doanh thu của Công ty Thiên Hương được tính bằng 15% doanh thu và có thể điều chỉnh theo thỏa thuận. Thời hạn thực hiện các Hợp đồng Hợp tác kinh doanh này là từ tháng 2 năm 2012 đến hết tháng 8 năm 2043.

Các cam kết liên quan đến các hợp đồng thuê hoạt động mà Tập đoàn là bên đi thuê

Tập đoàn, là bên đi thuê, đã ký kết một số hợp đồng thuê hoạt động với số tiền thuê tối thiểu theo các thỏa thuận này vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Đến 1 năm	457.974.989.047	385.904.000.252
Trên 1 đến 5 năm	1.497.059.873.240	1.315.048.177.986
Trên 5 năm	3.862.475.762.591	3.858.014.544.056
TỔNG CỘNG	<u>5.817.510.624.878</u>	<u>5.558.966.722.294</u>

Ngoài ra, theo hợp đồng kinh tế ký trong tháng 5 năm 2015 giữa Công ty An Phong và một đối tác doanh nghiệp về việc hợp tác xây dựng và khai thác dự án TTTM Đồng Tân, đối tác doanh nghiệp này sẽ nhận được phần tiền thuê điều chỉnh theo thỏa thuận. Thời hạn thực hiện hợp đồng này là 35 năm kể từ ngày công trình hoàn thành và quyết toán, hai bên ký hợp đồng thuê/cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

36. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Các cam kết khác

Cam kết liên quan đến dự án bất động sản tại số 233 và 223B Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Theo thỏa thuận hợp tác ký ngày 20 tháng 4 năm 2015 giữa Công ty Xavinco và một đối tác doanh nghiệp về việc phát triển một dự án bất động sản, Công ty Cổ phần Xavinco đồng ý hỗ trợ nguồn vốn cho đối tác doanh nghiệp thực hiện việc di dời với số tiền là 71 tỷ VND cũng như đồng ý cho đối tác doanh nghiệp đó vay để góp vốn vào Công ty Xalivico với số tiền là 130 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, khoản cam kết còn lại trong thỏa thuận là 166 tỷ VND.

Cam kết theo hợp đồng mua bán cổ phần của Công ty Triển lãm Việt Nam

Theo hợp đồng mua bán cổ phần nhà đầu tư chiến lược ký giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam ngày 13 tháng 3 năm 2015, Công ty cam kết huy động 100% vốn để thực hiện dự án Trung tâm Hội chợ Triển lãm Quốc Gia theo đúng quy hoạch đã phê duyệt. Chậm nhất 3 năm kể từ khi Công ty Triển lãm Việt Nam nhận được mặt bằng, giai đoạn 1 của cửa Khu Hội chợ Triển lãm Quốc Gia phải được hoàn thành trừ trường hợp chậm trễ phát sinh do nguyên nhân khách quan.

Cam kết bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng khu vực đảo Vũ Yên

Theo Công văn số 3070/UBND-ĐC2 về việc ứng kinh phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khu vực đảo Vũ Yên tại quận Hải An và huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng để phát triển Dự án Khu vui chơi giải trí, nhà ở, công viên sinh thái, Tập đoàn cam kết bồi thường và hỗ trợ giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án tổng số tiền là 351,8 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, khoản cam kết còn lại phải trả là 132,5 tỷ VND.

Cam kết bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng thu hồi đất thuộc dự án Khu Đô thị Vinhomes Riverside Hải Phòng

Theo Quyết định số 2294/QĐ-UBND của UBND Quận Hồng Bàng ngày 17 tháng 11 năm 2015 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng Khu Đô thị Xi măng Hải Phòng tại phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, Công ty có nghĩa vụ bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng với tổng số tiền là 728,3 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, số tiền đền bù còn lại phải trả là 278,3 tỷ VND.

Cam kết nhận chuyển nhượng cổ phần của một công ty liên kết từ các cá nhân

Theo hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng cổ phần ký ngày 25 tháng 11 năm 2015 giữa Công ty và các đối tác cá nhân, Công ty cam kết nhận chuyển nhượng 40% cổ phần của một công ty liên kết. Giá trị của hợp đồng chuyển nhượng này là 1.320 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Công ty đã chuyển số tiền đặt cọc cho các cá nhân này là 400 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

36. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Các cam kết khác (tiếp theo)

Cam kết nhận chuyển nhượng thêm cổ phần của một khoản đầu tư tài chính dài hạn của Tập đoàn

Theo hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng cổ phần ký ngày 25 tháng 11 năm 2015 giữa Công ty và các đối tác cá nhân, Công ty cam kết nhận chuyển nhượng 245.258.503 cổ phần, tương đương với 81,75% cổ phần của một công ty hiện đang là một khoản đầu tư tài chính dài hạn của Tập đoàn. Giá trị của hợp đồng chuyển nhượng này là 7.357 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Công ty đã chuyển số tiền đặt cọc cho các cá nhân này là 6.000 tỷ VND.

Cam kết nhận chuyển nhượng vốn góp trong một dự án tiềm năng

Theo thỏa thuận hợp tác giữa Công ty Vincom Retail, công ty con trong Tập đoàn, và một đối tác doanh nghiệp tại thành phố Hà Nội, Công ty Vincom Retail cam kết nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của một công ty sẽ được thành lập với mục đích xây dựng trung tâm thương mại tại phường Cổ Nhuế, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội sau khi các điều kiện ký kết hợp đồng được hoàn tất.

Cam kết nhận chuyển nhượng thêm cổ phần của một công ty con hiện hữu từ đối tác cá nhân

Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ký ngày 28 tháng 9 năm 2015 giữa Công ty và một đối tác cá nhân, Công ty cam kết nhận chuyển nhượng 26.379.686 cổ phần, tương đương với 31,72% cổ phần của một công ty con hiện hữu. Giá trị của hợp đồng chuyển nhượng này là 852,7 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, giao dịch chưa được hoàn tất và Công ty chưa thanh toán khoản giá phí chuyển nhượng này.

Cam kết liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh và đi thuê của Công ty An Phong

Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh và hợp đồng thuê một số trung tâm thương mại giữa Công ty An Phong và các đối tác doanh nghiệp tại Đồng Nai và thành phố Hồ Chí Minh, Công ty An Phong cam kết bàn giao lại cho bên cho thuê hoặc bên tham gia hợp tác kinh doanh công trình kiến trúc xây dựng và các trang thiết bị cố định gắn liền với các cấu trúc hiện hữu mà không đưa ra thêm bất cứ điều kiện nào sau khi kết thúc thời gian hợp đồng.

Cam kết liên quan đến việc chuyển nhượng một phần tòa nhà Vincom Bà Triệu A&B

Vào ngày 31 tháng 7 năm 2006, Công ty đã chuyển nhượng một phần tài sản thuộc tòa nhà Vincom City Towers cho một đối tác doanh nghiệp. Theo Hợp đồng chuyển nhượng nêu trên, Tập đoàn cũng cam kết chuyển giao các bất động sản đầu tư sau cho đối tác doanh nghiệp này vào ngày 20 tháng 7 năm 2012:

- (i) Quyền sở hữu ½ khu vực thương mại (từ tầng 1 đến tầng 6 tòa nhà Vincom City Towers ("Tòa nhà") không bao gồm khu lễ tân và khu thang máy tầng 1 có diện tích là 160 m²); và
- (ii) Quyền sở hữu 31% tầng hầm B1, B2 của tòa nhà.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

36. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Các cam kết khác (tiếp theo)

Cam kết với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (“UBND thành phố Hà Nội”)

Theo Quyết định số 1853/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2011 ban hành bởi UBND thành phố Hà Nội, Công ty Sài Đồng có trách nhiệm hoàn trả lô đất số G4-HH16 (có diện tích 43.542 m²) và lô đất G4-NT (có diện tích ước tính khoảng 5.293 m²) thuộc Dự án Vinhomes Riverside cho UBND thành phố Hà Nội xây dựng trường mẫu giáo.

Cam kết theo hợp đồng hỗ trợ lãi suất cho khách mua căn hộ tại Dự án Vinhomes Royal City

Công ty Hoàng Gia đã ký kết một số thỏa thuận ba (3) bên với các khách hàng mua căn hộ tại Dự án Vinhomes Royal City và một số ngân hàng cho các khách mua căn hộ này vay để thanh toán tiền mua căn hộ. Theo thỏa thuận này:

- (i) Ngân hàng sẽ cho khách hàng mua căn hộ vay để thanh toán tiền mua căn hộ tại Dự án Vinhomes Royal City; và
- (ii) Trong trường hợp khách hàng mua căn hộ tại Dự án Vinhomes Royal City vi phạm điều khoản trong hợp đồng tín dụng đã ký với ngân hàng, ngân hàng có thể yêu cầu Công ty Hoàng gia mua lại căn hộ với giá tối thiểu bằng 80% giá trị khoản tiền khách hàng đã thanh toán theo tiến độ cho Công ty Hoàng Gia.

Cam kết góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư tại một dự án nông nghiệp tiềm năng tại huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh

Vào ngày 1 tháng 9 năm 2015, Công ty VinEco đã ký hợp đồng nguyên tắc hợp tác đầu tư với Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH Một thành viên để cùng tham gia góp vốn vào một công ty mục tiêu nhằm phát triển một dự án nông nghiệp tiềm năng tại huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, tỷ lệ vốn góp cam kết bằng tiền của Công ty VinEco vào công ty mục tiêu là 64% vốn điều lệ. Tỷ lệ vốn góp của mỗi bên dựa trên cơ sở tính toán tổng mức đầu tư của dự án.

Cam kết liên quan đến chương trình dịch vụ quản lý và cho thuê biệt thự

Công ty Vinpearl Phú Quốc, Công ty Vinpearl Nha Trang và Công ty Vinpearl Đà Nẵng đã cung cấp các dịch vụ quản lý và cho thuê biệt thự cho khách hàng mua biệt thự. Theo đó, trong vòng 10 năm đầu tiên kể từ ngày biệt thự được bàn giao, khách hàng được đảm bảo phần thu nhập lớn hơn giữa:

- (i) 8%/năm đến 10%/năm tính trên giá trị chuyển nhượng của biệt thự;
- (ii) 85% tính trên phần lợi nhuận thuần hàng năm từ việc cho thuê lại các biệt thự này cho các bên thứ ba.

Cam kết liên quan đến hợp đồng mua bán cổ phần nhà đầu tư chiến lược với một doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực văn hóa

Theo hợp đồng mua bán Cổ phần Nhà đầu tư chiến lược ký ngày 17 tháng 3 năm 2016, Công ty cam kết mua toàn bộ số cổ phần phát hành không bán được cho các nhà đầu tư bên ngoài trong đợt IPO của một doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực văn hóa. Ngoài ra, Công ty và các cổ đông chiến lược khác cam kết huy động 100% vốn đầu tư để thực hiện Dự án Trung tâm Văn hóa và Dịch vụ thương mại SAVINA PLAZA.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Để phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn được tổ chức thành các bộ phận kinh doanh dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp, và bao gồm các bộ phận kinh doanh như sau:

- ▶ Kinh doanh chuyển nhượng bất động sản: bao gồm hoạt động chuyển nhượng các hạng mục xây dựng để bán tại các dự án bất động sản của Tập đoàn cũng như các hoạt động đầu tư bất động sản khác;
- ▶ Kinh doanh cho thuê bất động sản đầu tư và cung cấp các dịch vụ liên quan: bao gồm cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng, trung tâm thương mại và cung cấp các dịch vụ liên quan tại các bất động sản đầu tư của Tập đoàn;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ khách sạn du lịch, vui chơi giải trí và các dịch vụ liên quan: bao gồm cung cấp dịch vụ cho thuê nhà hàng, khách sạn và các dịch vụ liên quan tại các khách sạn và khu nghỉ dưỡng của Tập đoàn;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ bệnh viện và các dịch vụ liên quan: bao gồm cung cấp dịch vụ khám, chữa bệnh và các dịch vụ liên quan khác tại Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ giáo dục và các dịch vụ liên quan: bao gồm cung cấp dịch vụ giáo dục và các dịch vụ liên quan tại hệ thống giáo dục Vinshool và VinAcademy của Tập đoàn;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ bán lẻ: bao gồm cung cấp hàng hóa tại các siêu thị, cửa hàng tiện ích và các cửa hàng bán lẻ khác; và
- ▶ Các hoạt động kinh doanh khác: bao gồm cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản, dịch vụ xây dựng, dịch vụ bảo vệ, nông nghiệp và các dịch vụ khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày như sau:

	Kinh doanh chuyển nhượng bất động sản	Kinh doanh cho thuê bất động sản đầu tư và các dịch vụ liên quan	Kinh doanh dịch vụ khách sạn du lịch, vui chơi giải trí và các dịch vụ liên quan	Kinh doanh dịch vụ giáo dục và các dịch vụ liên quan	Kinh doanh dịch vụ bán lẻ	Hoạt động kinh doanh khác	Điều chỉnh và loại trừ	Đơn vị tính: VND
Doanh thu thuần								
Doanh thu thuần cho bên thứ ba	10.388.725.427.771	816.120.451.503	1.001.543.075.730	173.073.968.945	1.892.046.228.599	244.850.085.589	-	14.736.855.770.699
Doanh thu thuần giữa các bộ phận (1)	-	297.033.504.759	105.851.923.151	9.456.849.494	896.352.258.552	1.390.275.985.721	(2.699.371.206.677)	-
Tổng doanh thu thuần	10.388.725.427.771	1.113.153.956.262	1.107.394.998.881	182.530.818.439	2.788.398.487.151	1.635.126.072.310	(2.699.371.206.677)	14.736.855.770.699
Kết quả hoạt động kinh doanh								
Khấu hao và hao mòn	243.952.686.610	200.216.694.217	167.712.585.055	5.947.768.453	122.454.241.590	19.645.543.927	-	812.492.051.421
Phần được chia từ lãi/(lỗ) của công ty liên kết	14.348.320.928	-	729.366.014	-	(6.131.747.120)	-	-	8.945.939.822
Thu nhập/(lỗ) trước thuế theo bộ phận (2)	3.166.478.903.808	463.199.677.619	(201.328.362.111)	49.668.469.884	(421.982.091.926)	(59.176.016.335)	(789.004.327.994)	2.165.229.890.110
Tài sản								
Đầu tư vào công ty liên kết	6.510.957.530.792	-	90.653.444.558	-	122.873.126.518	-	-	6.724.484.101.868
Chi phí vốn tăng trong năm	838.372.289.089	280.160.317.176	573.767.684.923	3.193.496.270	365.246.191.320	479.141.657.608	-	2.828.022.263.151
Tổng tài sản (3)	66.160.421.262.439	23.997.199.568.001	16.396.218.915.480	1.750.810.246.398	8.846.681.183.098	2.752.514.471.949	25.671.575.820.774	148.921.815.473.495
Tổng nợ phải trả (4)	45.013.970.398.391	6.733.935.262.703	10.049.531.388.430	328.993.282.185	1.061.894.305.927	2.125.899.050.620	42.332.941.415.645	107.942.531.883.962

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

1. Doanh thu nội bộ thuần được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.
2. Lợi nhuận của từng bộ phận không bao gồm doanh thu hoạt động tài chính (548.638.992.445 VND), chi phí tài chính (886.585.743.975 VND), thu nhập khác (55.929.917.069 VND) và chi phí khác (171.331.231.935 VND).
3. Tài sản của từng bộ phận không bao gồm tài sản thuế thu nhập hoãn lại (152.819.449.146 VND), đầu tư tài chính ngắn hạn (11.011.925.902.250 VND), các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn (2.309.059.086.965 VND), đầu tư tài chính dài hạn (10.124.482.872.814 VND), các khoản phải thu về cho vay dài hạn (62.559.839.165 VND), lãi phải thu từ các khoản cho vay, đặt cọc và tiền gửi ngân hàng (1.028.588.953.093 VND), cổ tức phải thu (36.115.522.222 VND), thuế GTGT được khấu trừ (865.273.409.597 VND), thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (80.750.785.522 VND) vì những tài sản này được quản lý tập trung.
4. Nợ phải trả theo bộ phận không bao gồm các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn (36.382.485.645.320 VND), thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (1.219.161.686.898 VND), các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (3.030.850.793.969 VND), các khoản chi phí lãi vay trích trước (1.246.454.270.986 VND) và thuế thu nhập hoãn lại phải trả (453.989.018.472 VND) vì những khoản nợ phải trả này được quản lý tập trung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHON LOC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Kinh doanh chuyển nhượng bất động sản	Kinh doanh cho thuê bất động sản đầu tư và các dịch vụ liên quan	Kinh doanh dịch vụ khách sạn du lịch, vui chơi giải trí và các dịch vụ liên quan	Kinh doanh dịch vụ bệnh viện và các dịch vụ liên quan	Kinh doanh dịch vụ giáo dục và các dịch vụ liên quan	Kinh doanh dịch vụ bán lẻ	Hoạt động kinh doanh khác	Điều chỉnh và loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu									
Doanh thu cho bên thứ ba	4.271.089.351.108	534.176.611.698	642.308.945.033	152.196.439.737	118.645.573.763	469.457.971.193	119.313.694.209	-	6.307.188.586.741
Doanh thu giữa các bộ phận (1)	-	237.924.548.838	61.354.827.755	1.428.798.038	-	8.220.763.267	809.488.186.813	(1.118.417.124.711)	-
Tổng doanh thu thuần	4.271.089.351.108	772.101.160.536	703.663.772.788	153.625.237.775	118.645.573.763	477.678.734.460	928.801.881.022	(1.118.417.124.711)	6.307.188.586.741
Kết quả hoạt động kinh doanh									
Khấu hao TSCĐ	22.889.709.370	128.713.224.364	70.411.465.620	33.898.882.821	218.201.470	20.491.054.918	578.636.437	-	277.201.175.000
Phần được hưởng từ lợi nhuận của công ty liên kết	578.322.375	-	7.299.463.799	-	-	53.509.317	-	-	7.931.295.491
Thu nhập/(lỗ) trước thuế theo bộ phận (2)	1.210.781.750.119	266.948.448.229	16.308.126.176	(19.591.781.228)	23.821.916.298	(262.141.800.507)	20.611.449.868	(564.996.144.617)	691.741.964.338
Tài sản									
Đầu tư vào công ty liên kết	34.531.868.024	-	956.489.299.149	-	-	47.404.859.688	-	-	1.038.426.026.861
Chi phí vốn lãng phí	1.413.696.013.568	709.786.709.601	366.491.905.125	30.511.938.745	129.881.000	142.703.956.903	6.482.239.450	-	2.669.802.644.392
Tổng tài sản (3)	43.263.033.566.748	21.328.076.975.609	11.240.768.565.993	1.756.561.187.437	510.577.887.002	3.887.994.781.275	533.794.507.448	13.442.086.444.805	95.962.893.916.317
Tổng nợ phải trả (4)	15.041.366.671.774	7.993.597.705.303	3.738.717.732.243	148.606.619.975	558.673.494.473	451.026.230.186	1.433.873.382.123	38.647.191.449.916	68.013.063.285.993

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

1. Doanh thu nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.
2. Lợi nhuận của từng bộ phận không bao gồm doanh thu tài chính (283.042.697.236 VND), chi phí tài chính (741.705.361.906 VND), thu nhập khác (51.592.089.466 VND), chi phí khác (157.925.569.413 VND).
3. Tài sản của từng bộ phận không bao gồm tài sản thuê thu nhập hoãn lại (65.640.199.738 VND), đầu tư tài chính ngắn hạn (6.062.593.854.939 VND), các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn (2.325.116.122.168 VND), đầu tư tài chính dài hạn (2.851.617.470.806 VND), các khoản phải thu về cho vay dài hạn (935.941.664.306 VND), lãi phải thu từ các khoản cho vay, đặt cọc và tiền gửi ngân hàng (515.312.214.233 VND), cổ tức phải thu (36.115.522.222 VND), thuế GTGT được khấu trừ (613.513.598.088 VND) và thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (36.235.798.305 VND) vì những tài sản này được quản lý tập trung.
4. Nợ phải trả theo bộ phận không bao gồm các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn (32.411.832.544.961 VND), thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (773.718.005.690 VND), các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (3.713.895.293.412 VND), các khoản chi phí lãi vay trích trước (1.580.239.679.180 VND) và thuế thu nhập hoãn lại phải trả (167.505.926.673 VND) vì những khoản nợ phải trả này được quản lý tập trung.

Tập đoàn theo dõi kết quả hoạt động một cách riêng biệt cho từng bộ phận kinh doanh cho mục đích ra quyết định phân bổ nguồn lực và đánh giá kết quả hoạt động. Kết quả hoạt động của từng bộ phận được đánh giá dựa trên lãi lỗ và được xác định một cách nhất quán với lãi lỗ của Tập đoàn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Tuy nhiên, hoạt động tài chính của Tập đoàn (bao gồm chi phí tài chính và doanh thu tài chính) được theo dõi trên cơ sở tập trung và không phân bổ cho từng lĩnh vực kinh doanh.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở thỏa thuận hợp đồng tương tự như giao dịch với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

38. TRÌNH BÀY LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG

Điều chỉnh kế toán tạm thời đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh thực hiện trong năm trước

Như trình bày tại Thuyết minh số 4.4, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của Công ty Vinatexmart tại ngày mua, và áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất Công ty Vinatexmart. Trong kỳ, Tập đoàn đã hoàn tất việc xác định giá trị hợp lý của một số tài sản của Công ty Vinatexmart tại ngày mua và điều chỉnh kế toán tạm thời cho giao dịch mua Công ty Vinatexmart trên cơ sở hồi tố. Ngoài ra, số dư của một số khoản mục trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 liên quan đến một số giao dịch tái cơ cấu cũng được trình bày lại do ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố giao dịch mua vốn góp trong Công ty Vinatexmart.

Mã số	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính: VND	
		Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Đã được trình bày trước đây)	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Được trình bày lại)
		Trình bày lại	
	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT		
227	Tài sản cố định vô hình	649.061.296.920	73.743.556.103
228	Nguyên giá	789.293.394.723	75.942.351.284
229	Giá trị hao mòn lũy kế	(140.232.097.803)	(2.198.795.181)
269	Lợi thế thương mại	8.628.752.138.992	(64.676.993.309)
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.601.415.502.116	(30.225.052.675)
429	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	14.441.898.336.167	39.291.615.469
	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT		
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	636	(5)
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	636	(5)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

39. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngoài các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán đã được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty còn có các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Vào ngày 25 tháng 4 năm 2016, các công ty con của Công ty là Công ty Tân Liên Phát, Công ty Nam Hà Nội và Công ty Hoàng Gia đã ký kết các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần để chuyển nhượng 100% cổ phần trong Công ty Hoa Hướng Dương do các công ty con này sở hữu cho các cá nhân.

Vào ngày 28 tháng 4 năm 2016, các công ty con của Công ty là Công ty Vincommerce, Công ty Vincom Retail Miền Nam và Công ty Vincom Retail Miền Bắc đã ký kết hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng cổ phần để chuyển nhượng 100% cổ phần trong Công ty Ngôi Sao Xanh cho một đối tác doanh nghiệp.

Vào ngày 5 tháng 5 năm 2016, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Thành phố Hoàng Gia, công ty con mới, đã được thành lập trên cơ sở tách từ Công ty Hoàng Gia, một công ty con khác, với vốn điều lệ là 757 tỷ VND. Theo đó, Công ty còn nắm giữ 80,82% cổ phần của Công ty Hoàng Gia và 100% vốn điều lệ của công ty con mới này.

Vào ngày 6 tháng 5 năm 2016, Công ty Nam Hà Nội, công ty con đã hoàn tất việc chuyển nhượng 6.472.500 cổ phần của Công ty Vincommerce (tương đương với 0,94% tỷ lệ sở hữu) cho một cá nhân theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần đã ký kết trước đó.

Vào ngày 6 tháng 5 và ngày 19 tháng 5 năm 2016, Công ty Tân Liên Phát, công ty con, đã hoàn tất việc chuyển nhượng 112.593.200 cổ phần của Công ty Vincommerce (tương đương với 16,3% tỷ lệ sở hữu) cho các cá nhân theo các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần đã ký kết trước đó.

Vào ngày 9 tháng 5 năm 2016 và ngày 11 tháng 5 năm 2016, Công ty Tân Liên Phát, công ty con, đã mua 72.155.080 cổ phiếu, tương đương với 49,9% tỷ lệ sở hữu, của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành.

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.



Ngô Nguyệt Hằng
Người lập



Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Đương Thị Mai Hoa
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 5 năm 2016

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

PHỤ LỤC 1 – DANH SÁCH CÔNG TY CON TẠI NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2016

STT	Tên công ty	Tên viết tắt	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Vincom Retail	Công ty Vincom Retail	100,00	99,06	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
2	Công ty TNHH Vincom Retail Miền Nam	Công ty Vincom Retail Miền Nam	100,00	99,06	72 Lê Thánh Tôn và 45A Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM	Cho thuê mặt bằng bán lẻ
3	Công ty TNHH Vincom Retail Miền Bắc	Công ty Vincom Retail Miền Bắc	100,00	99,06	Số 72A, Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	Cho thuê mặt bằng bán lẻ
4	Công ty TNHH Metropolis	Công ty Metropolis	100,00	99,06	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
5	Công ty TNHH Riverview Complex Đà Nẵng	Công ty Riverview Đà Nẵng	100,00	99,06	Đường Ngô Quyền, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
6	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Suối Hoa	Công ty Suối Hoa	88,00	87,17	Km1 + 200, Đường Trần Hưng Đạo, phường Suối Hoa, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
7	Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch vụ Vin Tây	Công ty Vin Tây	95,00	94,11	Số 14, Nguyễn Trãi, phường An Hội, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ	Cho thuê mặt bằng bán lẻ
8	Công ty TNHH MTV Trung tâm Văn hóa thể thao giải trí Hà Nội	Công ty Trung tâm Văn hóa thể thao giải trí Hà Nội	100,00	99,06	Số 2, Phạm Ngọc Thạch, phường Trung Tự, quận Đống Đa, TP Hà Nội	Cho thuê mặt bằng bán lẻ
9	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh Doanh và Phát triển Đô Thị Ngôi Sao Xanh	Công ty Ngôi sao xanh	100,00	61,14	Số 12, ngõ 99, đường Nam Đường, tổ 19, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
10	Công ty Cổ phần Đầu tư An Phong	Công ty An Phong	100,00	99,06	Số 3 Đường 3/2, phường 11, quận 10, TP. HCM, Việt Nam	Cho thuê mặt bằng bán lẻ
11	Công ty TNHH MTV Thương mại Đầu tư và Phát triển Thời Đại	Công ty Thời Đại	100,00	100,00	Số 72 Lê Thánh Tôn và 45A Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
12	Công ty TNHH Kinh doanh Bất động sản Vinhomes 1	Công ty Vinhomes 1	100,00	100,00	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Kinh doanh bất động sản
13	Công ty TNHH Kinh doanh Bất động sản Vinhomes 2	Công ty Vinhomes 2	100,00	99,93	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Kinh doanh bất động sản

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

PHỤ LỤC 1 – DANH SÁCH CÔNG TY CON TẠI NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2016 (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tên viết tắt	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
14	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Địa ốc Thành phố Hoàng Gia	Công ty Hoàng Gia	98,36	98,36	Số 72A, Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
15	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội	Công ty Nam Hà Nội	98,90	98,90	Số 458 Phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
16	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng	Công ty Sài Đồng	94,00	94,00	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
17	Công ty Cổ phần Bất động sản Xavinco	Công ty Xavinco	96,44	96,42	Số 191 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
18	Công ty TNHH Hợp tác Kinh doanh và Phát triển ISADO	Công ty ISADO	70,00	65,80	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
19	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tân Liên Phát	Công ty Tân Liên Phát	75,00	74,70	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
20	Công ty TNHH Bất động sản Hồng Ngân	Công ty Hồng Ngân	100,00	94,00	Số 31 Ngõ Giếng, phố Đồng Các, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
21	Công ty TNHH Xalivico	Công ty Xalivico	74,00	71,35	Số 233 Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
22	Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam	Công ty Triển lãm Việt Nam	83,32	83,32	Số 148 Đường Giảng Võ, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
23	Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh và phát triển đô thị Ngôi Sao Phương Nam	Công ty Ngôi sao Phương Nam	95,00	94,99	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
24	Công ty TNHH kinh doanh thương mại dịch vụ Hoa Mai	Công ty Hoa Mai	74,00	74,00	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
25	Công ty Cổ phần Phát triển thể thao và giải trí Mễ Trì	Công ty Mễ Trì	67,17	67,17	Số 7 Đại Lộ Thăng Long, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

PHỤ LỤC 1 – DANH SÁCH CÔNG TY CON TẠI NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2016 (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tên viết tắt	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
26	Công ty Cổ phần Đồng Phú Hưng - Bình Thuận	Công ty Đồng Phú Hưng – Bình Thuận	99,00	97,73	Quốc lộ 55, thôn Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
27	Công ty TNHH Metropolis Hà Nội	Công ty Metropolis Hà Nội	100,00	98,36	Lô đất HH, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
28	Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Hoa Dương Dương	Công ty Hoa Hướng Dương	100,00	75,17	T4-L2-10, phòng 10 tầng 2, tòa nhà T4- TTTM Times City, số 458 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
29	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Vinaconex-Viettel	Công ty Vinaconex-Viettel	98,30	75,14	Tầng 9, tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
30	Công ty Cổ phần Đầu tư Sen Việt Công Thương ⁽¹⁾	Công ty Sen Việt Công Thương	100,00	98,59	Số 93, KP 4 (trong khuôn viên chi nhánh Ngân hàng Công thương Đông Ngai), đường Hưng Đạo Vương, phường trung Dũng, TP Biên Hòa	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
31	Công ty Cổ phần đầu tư Công đoàn Ngân hàng Công Thương ⁽¹⁾	Công ty Công đoàn Ngân hàng Công thương	100,00	97,52	Phố Chùa Thâm, xã Xuân Lâm, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
32	Công ty Cổ phần Vinpearl	Công ty Vinpearl	100,00	88,34	Đảo Hòn Tre, phường Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý, môi giới, đấu giá bất động sản, quảng bá tour du lịch, dịch vụ lưu trú ngắn ngày
33	Công ty TNHH Quản lý Vinpearl	Công ty Quản lý Vinpearl	100,00	88,34	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
34	Công ty TNHH Vinpearl Nha Trang	Công ty Vinpearl Nha Trang	100,00	88,34	Đảo Hòn Tre, Phường Vĩnh Nguyên, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
35	Công ty TNHH MTV Vinpearl Đà Nẵng	Công ty Vinpearl Đà Nẵng	100,00	88,34	Đường Trường Sa, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

PHỤ LỤC 1 – DANH SÁCH CÔNG TY CON TẠI NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2016 (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tên viết tắt	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
36	Công ty TNHH MTV Vinpearl Hội An	Công ty Vinpearl Hội An	100,00	88,34	Khố Phước Hải, phường Cửa Đại, TP Hội An, tỉnh Quảng Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
37	Công ty Cổ phần Vinpearl Quy Nhơn	Công ty Vinpearl Quy Nhơn	98,00	86,57	Khu Du lịch Vinpearl Quy Nhơn, Khu Kinh tế Nhơn Hội, thôn Hải Giang, xã Nhơn Hải, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Cung cấp dịch vụ du lịch sinh thái và các loại hình du lịch khác
38	Công ty TNHH Future Property Invest	Công ty FPI	100,00	88,34	Đường Trường Sa, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
39	Công ty TNHH Bất động sản Tây Tăng Long	Công ty Tây Tăng Long	59,00	53,29	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
40	Công ty TNHH Khách sạn và Du lịch Tây Hồ View	Công ty Tây Hồ View	70,00	61,84	58 đường Tây Hồ, phường Quảng An, quận Tây Hồ, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
41	Công ty TNHH Vinpearl Bãi Dài	Công ty Vinpearl Bãi Dài	90,00	79,51	17A Bạch Đằng, phường Phước Tiến, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
42	Công ty TNHH Đầu tư Cam Ranh	Công ty Cam Ranh	90,00	79,51	16 Mạc Đĩnh Chi, phường Phước Tiến, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
43	Công ty Cổ phần Du lịch Hòn Một	Công ty Hòn Một	83,63	73,88	Đảo Hòn Tre, phường Vĩnh Nguyên, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
44	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hòn Tre	Công ty Hòn Tre	90,00	79,51	Số 42/2 Đồng Nai, phường Phước Hải, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày
45	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Phú Quốc	Công ty Du lịch Phú Quốc	55,00	48,59	Khu Bãi Dài, Xã Gánh Dầu, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
46	Công ty TNHH MTV Vinpearl Phú Quốc	Công ty Vinpearl Phú Quốc	100,00	48,59	Khu Bãi Dài, Xã Gánh Dầu, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
47	Công ty TNHH Vinpearl Hạ Long	Công ty Vinpearl Hạ Long	100,00	88,34	Đảo Rều, phường Bãi Cháy, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

PHỤ LỤC 1 – DANH SÁCH CÔNG TY CON TẠI NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2016 (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tên viết tắt	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
48	Công ty TNHH MTV Vinpearland	Công ty Vinpearland	100,00	100,00	Đảo Hòn Tre, phường Vĩnh Nguyên, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Cung cấp dịch vụ công viên vui chơi và công viên theo chủ đề
49	Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Thương mại BFF	Công ty BFF	86,96	86,94	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM	Bán lẻ trong các cửa hàng chuyên doanh
50	Công ty Cổ phần Dịch Vụ Thương Mại Tổng Hợp Vincommerce	Công ty Vincommerce	72,35	60,37	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM	Bán lẻ trong các cửa hàng chuyên doanh
51	Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ VinDS	Công ty VinDS	70,00	69,23	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Bán lẻ tại các trung tâm thương mại hoặc cửa hàng tiện ích
52	Công ty Cổ phần Vinlinks	Công ty Vinlinks	79,96	79,96	Tầng 5, toà nhà 3D, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội	Cung cấp dịch vụ vận tải và các dịch vụ khác liên quan
53	Công ty TNHH Quản lý Xây dựng Vincom 1	Công ty Xây dựng Vincom 1	100,00	100,00	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Xây dựng nhà và các công trình kỹ thuật dân dụng Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật
54	Công ty TNHH Quản lý Xây dựng Vincom 3	Công ty Xây dựng Vincom 3	100,00	99,93	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Xây dựng nhà và các công trình kỹ thuật dân dụng Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật
55	Công ty TNHH Quản lý Xây dựng Vincom 7	Công ty Xây dựng Vincom 7	100,00	99,93	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật
56	Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec	Công ty Vinmec	100,00	98,90	Số 458, Phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	Cung cấp các dịch vụ bệnh viện
57	Công ty TNHH MTV Vinschool	Công ty Vinschool	100,00	100,00	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Cung cấp dịch vụ giáo dục
58	Công ty TNHH Giáo dục và Đào tạo VinAcademy	Công ty VinAcademy	100,00	99,93	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Cung cấp dịch vụ giáo dục

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

PHỤ LỤC 1 – DANH SÁCH CÔNG TY CON TẠI NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2016 (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tên viết tắt	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
59	Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Vingroup	Công ty Bảo vệ Vingroup	100,00	100,00	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	* Kinh doanh dịch vụ bảo vệ
60	Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Phát triển Nông nghiệp VINECO	Công ty VinEco	70,00	70,00	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	* Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp
61	Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Phát triển Nông nghiệp VINECO-Tam Đảo	Công ty VinEco Tam Đảo	89,02	62,32	Thôn Cơ Quan, TT Gia Khánh, huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc	* Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp
62	Công ty TNHH Nông nghiệp Đồng Nai – VinEco	Công ty VinEco Đồng Nai	77,50	54,25	Km13, Quốc Lộ 51, ấp Long Khánh 3, Xã Tam Phước, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	* Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp
63	Công ty Cổ phần Sản Xuất - Thương Mại - Dịch vụ Hoàng Lân	Công ty Hoàng Lân	100,00	70,59	Số 38/2 Bạch Đằng, phường 7, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	* Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp
64	Công ty Cổ phần Nông sản thực phẩm Hoa Hồng Vàng	Công ty Hoa Hồng Vàng	100,00	70,59	Số 1/5 Lê Hồng Phong, phường 4, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	* Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp
65	Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản và Phát triển Hạ tầng Đô thị Hà Thành ⁽²⁾	Công ty Hà Thành	100,00	100,00	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	* Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
66	Công ty Cổ phần Hợp Nhất Thương Mại ⁽²⁾	Công ty Hợp Nhất Thương Mại	99,80	79,80	Tầng 5, toà nhà 3D, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội	* Cung cấp dịch vụ vận tải và các dịch vụ khác liên quan
67	Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng và Quản lý Cảnh quan Vinlandscape ⁽²⁾	Công ty Vinlandscape	100,00	100,00	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	* Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan
68	Công ty Cổ phần Siêu thị Đại Dương ⁽²⁾	Công ty Siêu thị Đại Dương	80,00	48,29	Số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	* Bán lẻ trong các cửa hàng chuyên doanh

(1) Các công ty không được hợp nhất do Tập đoàn kiểm soát tạm thời

(2) Các công ty đang làm thủ tục giải thể

